

***“Cam kết mang lại các sản phẩm có giá trị tốt nhất
cho người tiêu dùng”***

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Trụ sở chính: Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.6289.549 - **Fax:** 0260.3862969

Email: ctyduongkontum@yahoo.com.vn - **Website:** www.ktsduongkontum.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2017





MỤC LỤC

Thông tin chung

Tình hình hoạt động trong năm

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám đốc

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Quản trị công ty



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Tên giao dịch bằng tiếng Anh	: Kontum Sugar Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 3803000111 (số cũ là 6100228104) cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum
Vốn điều lệ	: 50.700.000.000 VNĐ
Vốn đầu tư chủ sở hữu	: 50.700.000.000 VNĐ
Địa chỉ	: Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Số điện thoại	: 0260.3864 958
Số fax	: 0260.3862969
Website	: www.ktsduongkontum.vn
Mã cổ phiếu	: KTS
Niêm yết	: HNX



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1995

CTCP Đường Kon Tum tiền thân là Công ty Mía Đường Kon Tum, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/07/1995

2000

Công ty mía đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi

2006

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/ QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNN

2008

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008

2010

Chính thức niêm yết 3 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS

2011


Niêm yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn Điều lệ từ 30 tỷ lên 39 tỷ

2012

Đại hội đồng cổ đông bất thường, quyết định tăng Vốn điều lệ Công ty từ 39 tỷ lên 50,7 tỷ bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

2013 - 2016

Niêm yết bổ sung 1.170.000 cổ phiếu trên HNX (50,7 tỷ đồng)



*“KTS – 22 năm
lớn mạnh cùng
cây mía Việt”*



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Sản xuất đường



Trồng mía



Bán mật, bã bùn,
phân bón

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai;
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc;
- Bã bùn và phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.

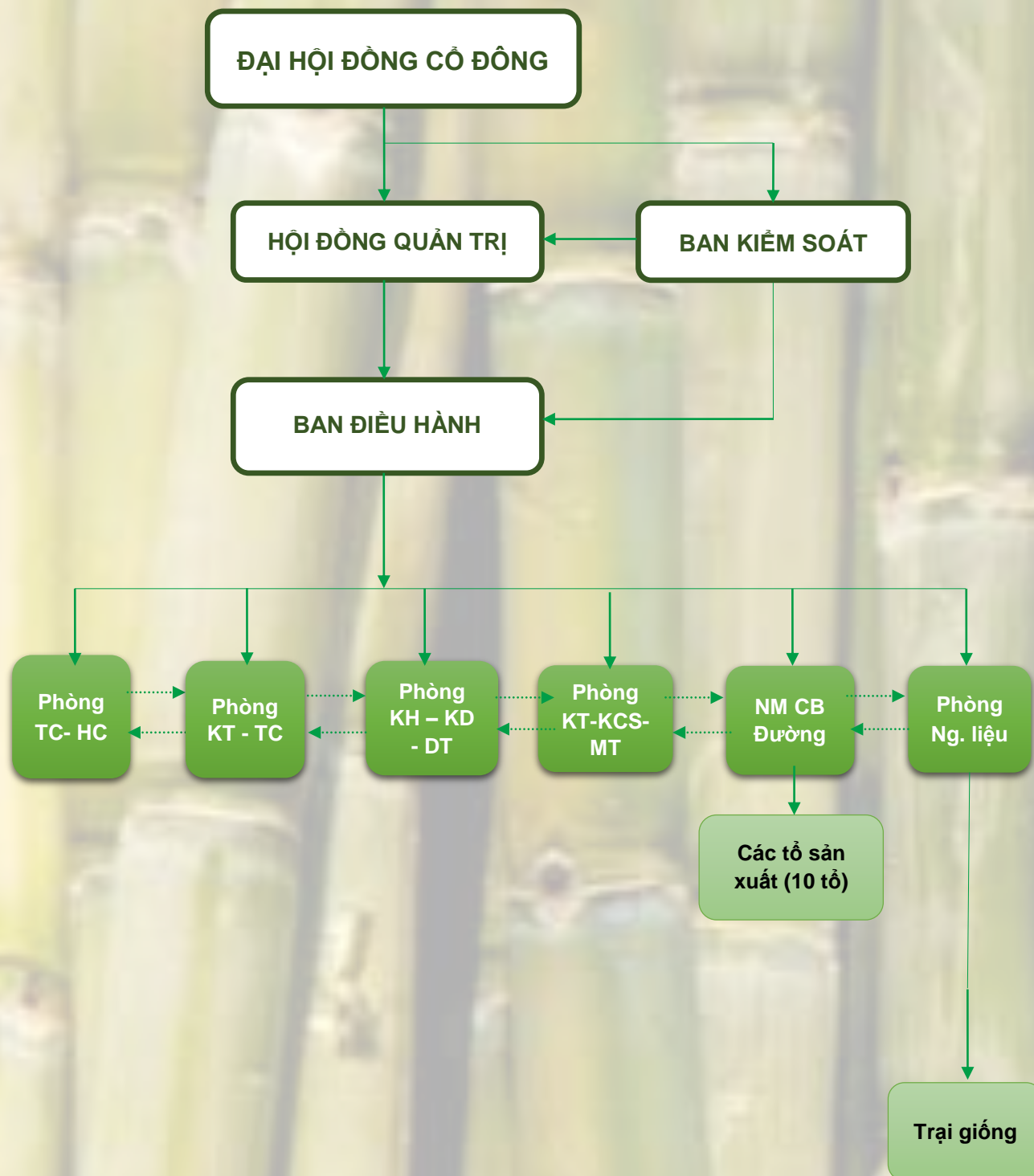



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



- Cúp vàng sản phẩm dịch vụ ưu tú hội nhập WTO
- Cúp doanh nghiệp tiêu biểu Asean 2011
- Siêu cúp Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững
- Cúp sản phẩm thực phẩm tốt nhất Asean
- Cúp thương hiệu vàng 2012
- Cúp Top 100 sản phẩm chất lượng cao
- Cúp Tôn vinh 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2012-2013
- Cúp Hàng nông lâm thủy sản VN chất lượng cao

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



A close-up photograph of several green bamboo stalks, showing their segmented structure and vibrant green color. The stalks are arranged vertically, filling the frame.

“Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Đường Kon Tum cùng phấn đấu vì mục tiêu phát triển bền vững”

CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- ☉ Tập trung khai thác công suất của vùng nguyên liệu hiện có đồng thời mở rộng diện tích trồng nhằm đáp ứng đủ công suất hoạt động cho các Nhà máy;
- ☉ Khai thác hết năng suất diện tích mía đứng hiện có;
- ☉ Tập trung nghiên cứu và đưa các giống mía có năng suất và chất lượng cao để trồng đại trà, thay thế các loại giống cũ đã thoái hóa, kém chất lượng;
- ☉ Hoàn thiện công trình xây dựng chỉnh trang lại khuôn viên, văn phòng làm việc để phục vụ công tác quản trị điều hành của Công ty đạt hiệu quả cao, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- ☉ Nghiên cứu đưa máy móc thiết bị có trình độ công nghệ tiên tiến vào dây chuyền sản xuất nhằm làm giảm tỷ lệ hao mía/đường, nâng cao năng suất lao động trong Công ty.

Các chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ☉ Nghiên cứu và đưa ra các chính sách hỗ trợ người nông dân canh tác trong vùng trồng nguyên liệu nhằm mở rộng quy mô đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào;
- ☉ Tập trung hoàn thiện kỹ thuật canh tác để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động, chuyên môn hóa sản xuất trong từng khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm;
- ☉ Nghiên cứu, đánh giá và lên kế hoạch xâm nhập các thị trường mới nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- ☉ Áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại hướng đến mục tiêu sản phẩm tạo ra đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Mục tiêu đối với môi trường

- ☉ Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường.
- ☉ Công ty luôn hướng đến mục tiêu giảm lượng khí thải, nước thải xuống mức thấp nhất nhằm hạn chế các tác động tiêu cực trong hoạt động chính của Công ty tới môi trường xung quanh.
- ☉ Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc bảo vệ môi trường xung quanh, hướng tới phát triển bền vững.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- ☉ Hoạt động ở một tỉnh mà đời sống của người nông dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn như tỉnh Kon Tum, giao thông hiểm trở, sản xuất manh mún, trình độ dân trí thấp, trải qua hơn 10 năm trưởng thành và phát triển Công ty ngày càng thấu hiểu rõ những nỗi khó khăn mà người dân nơi đây đang phải trải qua từng ngày. Nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân có việc làm và thu nhập ổn định, Công ty đã áp dụng nhiều chính sách như miễn phí một số chi phí giống, tiền cày đất, phí đào tạo cho người nông dân có kiến thức cũng như kỹ năng canh tác đạt hiệu quả cao. Đồng thời, hàng năm Quỹ hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu đã chi cho các địa phương nhằm đảm bảo cho việc canh tác của người nông dân được diễn ra đúng vụ, đảm bảo đạt năng suất cao và chất lượng. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ người nông dân trong vùng, góp phần đảm bảo đời sống của người nông dân được ổn định và phát triển.



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế của Việt Nam đang có nhiều triển vọng khả quan, sự tăng giá của một số đồng tiền và triển vọng phục hồi kinh tế có thể giúp Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường lớn qua đó có thể tăng tốc độ tăng trưởng thương mại; và những cải thiện về môi trường đầu tư, kinh doanh, triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục khởi sắc. Những cải thiện mạnh mẽ về cơ chế chính sách liên quan đến cải cách thể chế, môi trường đầu tư, kinh doanh được Chính phủ quyết liệt chỉ đạo thực hiện trong năm 2016 và đầu năm 2017 sẽ ngày càng phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới đang diễn biến khá phức tạp khi mà căng thẳng chính trị leo thang kéo theo đó là xu hướng gia tăng bảo hộ mậu dịch đã ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm, Ban Điều hành của Công ty luôn theo dõi sát tình hình diễn biến trong nền kinh tế vĩ mô để phân tích, đánh giá và đưa ra những chính sách phù hợp, có lợi nhất cho Công ty.



Rủi ro giá hàng hóa, nguyên liệu

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long niên vụ 2016/2017 chỉ còn khoảng 42.000 ha mía, giảm khoảng 6.000 ha so với vụ trước, điều này đã dẫn tới tình trạng mặc dù giá mía nguyên liệu được các nhà máy thu mua ở mức khá cao, song nông dân ở nhiều nơi vẫn chần chừ không muốn bán vì muốn chờ giá tăng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc nhiều nhà máy vào vụ trễ, một số nhà máy vào vụ đúng lịch nhưng không thể chạy liên tục như dự kiến theo đúng kế hoạch. Nắm bắt được tình hình khó khăn trong việc thu mua nguồn nguyên liệu đầu vào, Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời ban hành các chính sách, phương pháp thu mua hợp lý từ đó khuyến khích được người nông dân bán mía cho Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Ngành mía đường là ngành phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào đó là sản lượng và chất lượng cây mía của người nông dân. Niên vụ 2016/2017 là năm người trồng mía gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp. Ngay khi mới vào vụ, mía đã gặp hạn gay gắt làm cây giống chậm phát triển. Đến cuối năm 2016 khi cây mía đã lớn thì mưa lũ liên tiếp làm cho nhiều diện tích trồng mía bị ngã đổ hàng loạt. Đến đầu tháng 2/2017, cây mía vào vụ thu hoạch nhưng gặp phải mưa trái mùa, đồng ruộng lầy lội khiến cho công tác thu mua, vận chuyển gặp nhiều khó khăn. Mặc dù năng suất giảm không nhiều nhưng chất lượng mía lại giảm mạnh do rầy trắng gây hạn, cùng với mưa nhiều vào thời điểm mía đang chín khiến chữ đường của mía xuống thấp. Cùng với đó, do hạn chế về hệ thống cơ sở hạ tầng chưa được hoàn thiện nên Việt Nam đang có tỷ lệ thất thoát rất cao trong quá trình thu hoạch và vận chuyển. Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra từ đầu năm Công ty đã chủ động thu mua và dự trữ nguồn nguyên liệu đảm bảo công tác hoạt động sản xuất được diễn ra liên tục và ổn định.

Rủi ro cạnh tranh

Tình trạng đường nhập lậu từ Thái Lan đang được tiêu thụ mạnh trên thị trường là do giá rẻ hơn đang khá phổ biến. Điều này đã tạo áp lực cạnh tranh rất lớn cho các doanh nghiệp, gây khó khăn cho ngành mía đường Việt Nam. Từ đầu niên vụ 2016 – 2017, các doanh nghiệp thương mại mía đường của Việt Nam đã gặp rất nhiều khó khăn do công tác tiêu thụ gặp hạn chế, biên lợi nhuận thu hẹp. Nguyên nhân là do giá đường trong nước quá cao, trong khi giá đường Thái Lan lại thấp hơn 1.000 đồng/kg. Việc hạ giá đường của Việt Nam để cạnh tranh trực tiếp với đường Thái Lan là rất khó do Chính phủ Thái Lan tạo điều kiện tốt về công tác quản lý, nghiên cứu giống mía, đầu tư cơ giới hóa cũng như hỗ trợ lãi suất vay khá thấp 1%-2% cho người nông dân. Để đảm bảo công tác tiêu thụ các sản phẩm của Công ty diễn ra đúng kế hoạch, niên vụ qua, Công ty đã tập trung khai thác tối đa các kênh phân phối sẵn có của mình đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

Rủi ro khác

Hiện nay, ngành đường vẫn chưa tìm được sự đồng thuận và tiếng nói chung giữa nhà máy đường và nhà tiêu thụ đường. Nguyên nhân do đặc thù của sản xuất mía đường là sản xuất theo thời vụ, sản xuất 6 tháng nhưng tiêu thụ cả năm và giá bán lại phụ thuộc rất nhiều vào giá mía của người nông dân, phụ thuộc vào giá đường thế giới và khu vực, nên sản lượng và giá đường thường không được ổn định. Trong khi đó các nhà thương mại, nhà sản xuất dùng đường làm nguyên liệu lại rất cần ổn định về số lượng, giá cả để ổn định sản xuất và kinh doanh đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Do vậy nếu không có sự phối hợp chặt chẽ với các nhà tiêu thụ đường, các công ty sản xuất sẽ dễ dàng gặp rủi ro trong việc cung cấp hàng hóa theo hợp đồng đã ký một khi có biến động về giá cả xảy ra. Để đảm bảo đúng tiến độ cung cấp các sản phẩm đường với khách hàng, Công ty đã chủ động lên kế hoạch và dự trữ thành phẩm tồn kho nhằm đảm bảo uy tín của Công ty với các đối tác.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

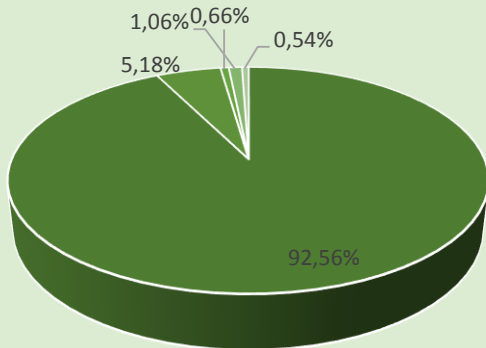
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

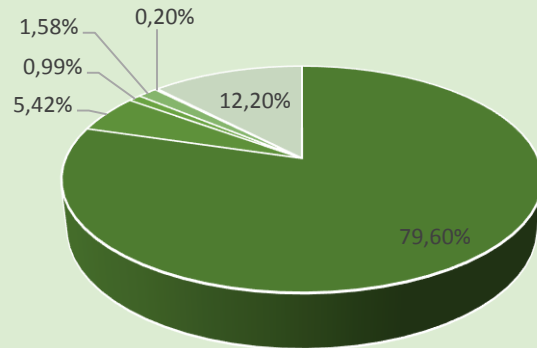
Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	01/07/2015 - 30/06/2016		01/01/2016 - 30/06/2016		01/07/2016 - 30/06/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán đường	269.424.478.093	92,56	184.915.276.573	91,98	234.471.868.047	79,60
Doanh thu bán mật	15.066.090.480	5,18	11.558.476.191	5,75	15.972.165.000	5,42
Doanh thu bán bã bùn	1.924.223.892	0,66	1.924.223.892	0,96	2.929.571.961	0,99
Doanh thu bán phân bón	3.078.495.723	1,06	1.217.184.500	0,61	4.642.611.832	1,58
Doanh thu khác	1.585.773.759	0,54	1.424.239.763	0,71	602.832.286	0,20
Doanh thu đường thương mại	-	-	-	-	35.952.380.952	12,20
Tổng cộng	291.079.061.947	100	201.039.400.919	100	294.571.430.078	100





01/07/2015 - 30/06/2016



01/07/2016 - 30/06/2017

- Doanh thu bán đường
- Doanh thu bán mật
- Doanh thu bán bã bùn
- Doanh thu bán phân bón
- Doanh thu khác
- Doanh thu đường thương mại

Niên vụ 2016/2017 đã có sự thay đổi tương đối lớn trong cơ cấu doanh thu so với niên vụ 2015/2016, cụ thể doanh thu bán đường đạt 234,47 tỷ đồng, chiếm 79,60% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Nếu như ở các niên độ trước, doanh thu bán đường luôn chiếm 90% trong cơ cấu doanh thu thì trong niên vụ 2016/2017 tỷ lệ này đã giảm khá mạnh. Nguyên nhân là do trong niên độ này Công ty hoạt động thêm mảng phân phối đường, tuy mới hoạt động nhưng đã mang lại 35,95 tỷ đồng, chiếm 12,20% cơ cấu doanh thu trong niên độ qua, và đây cũng là mảng kinh doanh lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu của Công ty.



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	01/07/2015 - 30/06/2016		01/01/2016 - 30/06/2016		01/07/2016 - 30/06/2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận bán đường	35.731.752.772	72,66	23.257.431.702	62,32	22.266.827.167	52,54
Lợi nhuận bán mật	10.766.090.480	21,89	10.836.228.330	29,03	15.972.165.000	37,69
Lợi nhuận bán bã bùn	1.924.223.892	3,91	1.924.223.892	5,16	2.929.571.961	6,91
Lợi nhuận bán phân bón	260.908.605	0,53	55.503	-	243.947.708	0,58
Lợi nhuận khác	492.873.758	1,00	1.303.971.702	3,49	729.328.252	1,72
Lợi nhuận đường thương mại	-	-	-	-	238.095.238	0,56
Tổng cộng	49.175.849.507	100	37.321.911.129	100	42.379.935.326	100



Các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực	%
		01/01/2015 31/12/2015	01/01/2016 30/06/2016	01/07/2016 30/06/2017	01/07/2016 30/06/2017	hiện so với kế hoạch 01/07/2016 30/06/2017	tăng/giảm so với 01/01/2015 31/12/2015
Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	175.321	135.341,89	187.061,85	212.166	113,42%	-
Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	17.893	14.036,80	20.161,11	21.377	106,03%	-
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	21.957	14.043,44	20.161,11	16.005	79,39%	-
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	292.951	201.039	272.617	294.571	108,05%	100,55%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu Đồng	23.108	33.291	15.937	43.711	274,27%	189,16%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu Đồng	22.992	33.054	15.937	42.380	265,92%	184,32%
Tỉ lệ cổ tức (%)	%	20%	40%	15%-20%	15%	-	-

Niên độ 2016/2017 tuy Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu về thu mua nguồn nguyên vật liệu phục vụ công tác sản xuất mặc dù có nhiều hộ nông dân gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp cây mía do nắng hạn kéo dài, không có nước, cây mía chết do không lưu gốc được. Sản lượng đường sản xuất được đạt 106,03% trong khi sản lượng đường tiêu thụ chỉ đạt 79,39% so với kế hoạch do cạnh tranh gay gắt với mặt hàng đường nhập lậu từ Thái Lan. Tuy nhiên, do chủ động mở rộng mảng đường thương mại, tổng doanh thu của Công ty đã đạt 294,57 tỷ đồng, đạt 108,55% kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế niên độ 2016/2017 đạt 42,38 tỷ đồng, đạt 265,92% so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	14/09/1978 tại Củ Chi – TP.HCM
Số CMND	023302165 cấp ngày 25/4/2011 tại TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	2006 – 2007: Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long 2007 – 2008: Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc 2009 – 2010: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam 2006 – 2010: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông 2010 – 2011: Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến tre 05/2013 – 03/07/2015: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum 3/7/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre TGD Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Ông Lê Hồng Thái – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

Năm sinh	22/12/1952 tại Thanh Hóa
Số CMND	022053076 cấp ngày 27/09/2014 tại TP. HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Luật
Quá trình công tác	1995- nay: Công tác tại CTCP XNK Ngũ Cốc 3/7/2015 – nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Đường Kon Tum 30/3/0216 – nay: TGD CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Ngũ Cốc
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Ông Trần Ngọc Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	12/10/1956 tại Hà Nội
Số CMND	022704756 cấp ngày 02/04/2001 tại TP HCM
Địa chỉ thường trú	294 Hùng Vương, Phường 15, Quận 5, TP HCM
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
Quá trình công tác	1976 – 1981: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia 1982 – nay: Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm 3/7/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Mía đường Tuy Hòa, CTCP Mía đường Đắknông; TGD Công ty CP Mía đường Sơn La.
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Ông Nguyễn Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	06/02/1968 tại Triệu Long – Triệu Phong – Quảng Trị
Số CMND	233211106 cấp ngày 9/6/2011 tại CA KonTum
Địa chỉ thường trú	22/8 Tăng Bạt Hổ, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành Hóa học-Đại học Tổng hợp Huế; Cử nhân kinh tế - Đại học Đà Nẵng
Quá trình công tác	1995-1997: Công tác tại Phòng Kỹ Thuật – Công ty mía đường Gia lai 1997-2011: Phó phòng Kỹ thuật - Chất lượng - Sản phẩm, Công ty CP đường Kon Tum. 2011-2014: Phó phòng Tổ chức - Hành chính - Nhân sự, Công ty CP Đường Kon Tum. 4/2015 -5/2016: Giám Đốc Nhà máy Đường, Công ty CP Đường Kon Tum. 5/2016-Nay: Phó TGD Công ty CP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	TVHĐQT Cty CP Mía Đường Sơn La
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Ông Nguyễn Sỹ Hà – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	23/07/1972 tại Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
Số CMND	233159577 cấp ngày 31/5/2008 tại CA Kon Tum
Địa chỉ thường trú	Số 16, Đường Tô Hiến Thành, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
Trình độ chuyên môn	CNKT Chế biến Đường, Cử nhân Luật.
Quá trình công tác	<p>Từ năm 1998 đến năm 2003 công tác tại phân xưởng sản xuất Công ty mía đường Kon Tum. Giữ các chức vụ từ Tổ trưởng đến Trưởng ca sản xuất.</p> <p>Từ 2003-4/2016: nay công tác tại phòng Tổ chức Hành chính Công ty Đường Kon Tum (nay là Công ty cổ phần Đường Kon Tum). Giữ các chức vụ: Chuyên viên, Phó phòng đến Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.</p> <p>Từ 5/2016 đến nay: TVHĐQT Công ty CP Đường Kon Tum, kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty.</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần



BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Nhi – Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	25/10/1964
Số CMND	0254933493 cấp ngày 21/07/2011 tại TP HCM
Địa chỉ thường trú	128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán
Quá trình công tác	1991 – 03/2010: Lần lượt là Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị 04/2010 – 09/2013: Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Dịch vụ Quảng Trị 11/2013 – nay Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Nguyễn Thị Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	13/03/1960
Số CMND	280096294 cấp ngày 04/09/2001 tại Bình Dương
Địa chỉ thường trú	158 KP Hưng Thọ, P. Hưng Định, Thuận An, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác	1985 – 1987: Cục Thuế Bình Dương 1987 – 2014: CTCP Đường Bình Dương 2014 – nay: Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kontum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

Ông Nguyễn Đức Cần – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	20/01/1971 tại Thị Trấn Mộ Đức – Huyện Mộ Đức – Tỉnh Quảng Ngãi
Số CMND	233177566 cấp ngày 18/6/2009 tại CA Kon Tum
Địa chỉ thường trú	Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	1990-1992: Học ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn 1996-1997: Học nghề Kiểm tra Chất lượng Thực phẩm, tại Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng Năm 1997 đến tháng 12/2005: Công tác tại Công ty Mía Đường Kon Tum, Nhà máy Đường với chức danh, Tổ trưởng Tổ KCS 2002-2006: Học Đại học Quản trị Kinh doanh, tại Trường Đại học Đà Nẵng Tháng 01/2006 đến tháng 8/2013: Công tác tại Phòng Kế hoạch Kinh Doanh- Tổng hợp Công ty Đường Kon Tum, với chức danh Nhân viên Tháng 9/2013 – Nay: Công tác tại Phòng Tổ chức –Hành chính, với các chức danh Phó phòng, Trưởng phòng TCHC.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	100 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần có quyền biểu quyết

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lê Hồng Thái – Tổng Giám đốc

Xem phần SYLL HĐQT

Ông Nguyễn Thắng – Phó Tổng Giám đốc

Xem phần SYLL HĐQT

Ông Hồ Minh Tường – Kế toán trưởng

Năm sinh	05/06/1966 tại Bình Định
Số CMND	233041570 cấp ngày 08/10/2009 tại Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	12/1986 – 09/1989: Nhân viên phòng tài chính huyện Mang Yang – Tỉnh Gia Lai – Kon Tum 09/1989 – 1991: Nhân viên Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai – Kon Tum 1991 – 1995: Phó phòng Tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Kon Tum 1995 – 07/2008: Kế toán trưởng Công ty Đường Kon Tum 07/2008 – nay: Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	7.126 cổ phần, chiếm 0,073% số cổ phần có quyền biểu quyết

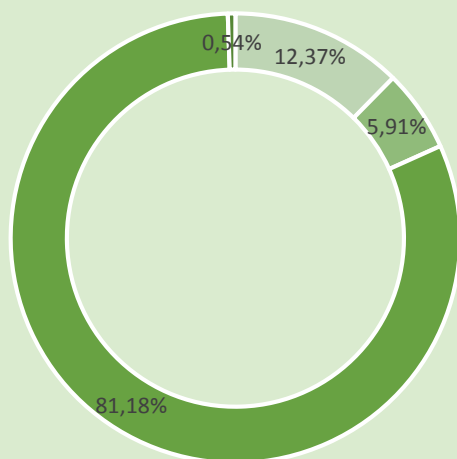
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2017

Không có sự thay đổi

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

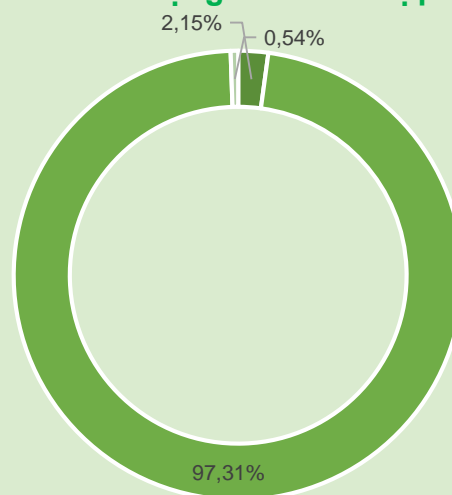
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	186	100,00%
1	Đại học, cao đẳng	23	12,37%
2	Trung cấp	11	5,91%
3	Công nhân kỹ thuật	151	81,18%
4	Lao động phổ thông	1	0,54%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	186	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	4	2,15%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	181	97,31%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	1	0,54%

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Đại học, cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

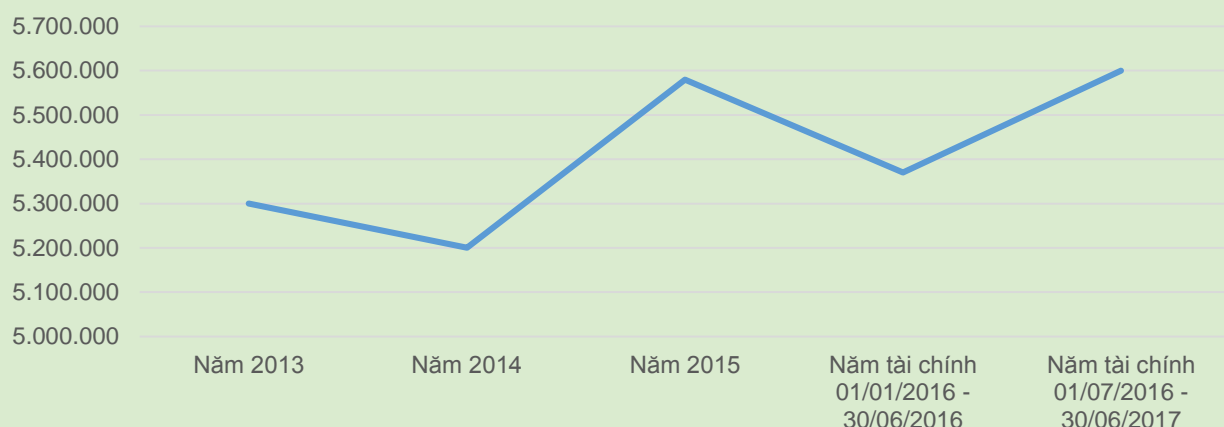
Cơ cấu lao động tính chất hợp đồng



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

ĐVT: đồng

Mức lương bình quân



Chính sách nhân sự

Về môi trường công việc

Công ty cổ phần Đường Kon Tum luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, đặc biệt Công ty luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên kỹ thuật tiếp cận và mở rộng kiến thức về máy móc thiết bị cũng như quy trình vận hành tiên tiến, nhằm giúp nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc cho người công nhân.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến đời sống của toàn thể cán bộ công nhân viên, động viên người lao động đúng lúc và kịp thời nhằm tạo sự đoàn kết gắn bó lâu dài trong nội bộ Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển ổn định và bền vững.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Các chính sách về lương thưởng của Công ty luôn cập nhật kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành, từ đó đảm bảo quyền lợi của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng nhiều chính sách khuyến khích nhân viên thi đua lập nhiều thành tích cao trong công việc như:

- Thưởng theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận;
- Thưởng tiết kiệm vật tư, nguyên liệu;
- Thưởng sáng kiến cải tiến;
- Thưởng đạt các danh hiệu thi đua..

Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách khác như: Phụ cấp, trợ cấp theo năng lực và kinh nghiệm; Chương trình khám sức khỏe định kỳ; Tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan nghỉ mát, v.v... cho cán bộ công nhân viên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Tình hình thực hiện dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 13/05/2017 về việc thông qua Dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN, HĐQT cùng với Ban QLDA đã khẩn trương triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, giám sát tình hình thực hiện các gói thầu, kết quả cụ thể như sau:

- Tổng kinh phí đầu tư của Dự án được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 thông qua là 158.106.000.000 đồng (không bao gồm thuế VAT); Ngoài ra ĐHĐCĐ cũng thống nhất trong trường hợp cần thiết cho phép tăng tổng mức đầu tư của Dự án nhưng không vượt quá 10% tổng mức đầu tư nói trên.
- Tổng kinh phí đã thực hiện (đã ký hợp đồng) đến ngày 31/8/2017 là 143.661.891.300 đồng (không bao gồm thuế VAT):

Trong đó:

- ✓ Thiết bị : 126.949.985.066 đồng.
- ✓ Xây lắp : 12.474.878.182 đồng.
- ✓ Tư vấn đầu tư : 4.086.678.052 đồng.
- ✓ Chi phí khác : 150.350.000 đồng.

Hiện vẫn còn một số gói thầu Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thành Dự án.

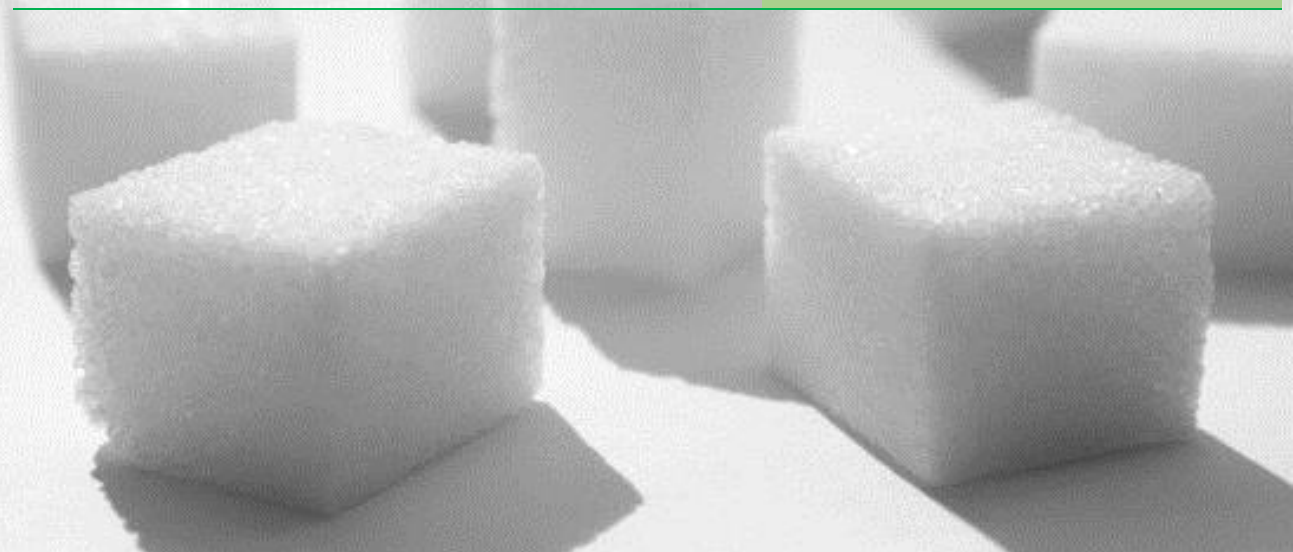
Tiến độ triển khai các gói thầu:

đến thời điểm hiện nay các Nhà thầu đang đáp ứng được tiến độ và chất lượng theo hợp đồng đã ký kết, các gói thầu liên quan trực tiếp đến dây chuyền chế biến đường dự kiến xong trước ngày 30/11/2017 để kịp bàn giao trước khi vào vụ sản xuất 2017 - 2018.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản mục	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2015 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017	% Tăng giảm 01/07/2016 - 30/06/2017 và 01/07/2015 - 30/06/2016
Tổng tài sản	141.072.836.737	141.072.836.737	325.880.460.962	131,00%
Doanh thu thuần	290.780.171.947	380.520.942.975	294.571.430.078	-22,59%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	43.223.523.625	51.703.795.606	45.356.964.292	-12,28%
Lợi nhuận khác	(1.516.262.201)	(1.581.044.451)	(1.646.277.202)	4,13%
Lợi nhuận trước thuế	41.707.261.424	50.122.751.155	43.710.687.090	-12,79%
Lợi nhuận sau thuế	41.353.079.754	49.651.749.643	42.379.935.326	-14,65%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.156	9.793	8.359	-14,65%
Tỷ lệ cổ tức	40%	-	15%	-



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	14,73	1,55
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	14,01	0,96
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	4,87	53,11
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,12	113,26
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	22,27	4,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,33	1,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,44	14,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,53	28,96
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	21,95	17,92
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	17,28	15,40



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.070.000 cổ phiếu

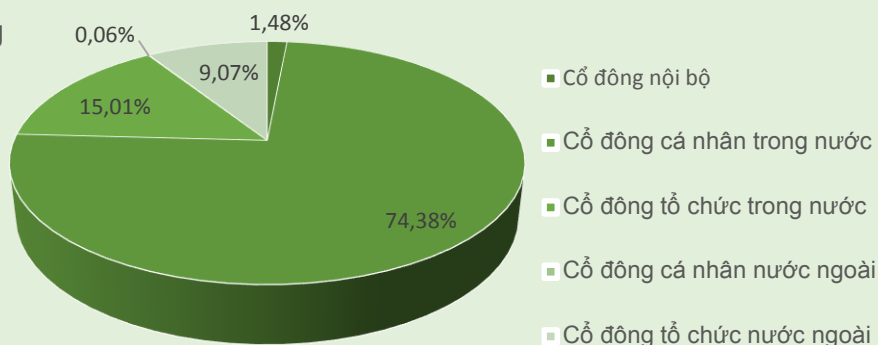
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.070.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần



Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 30/08/2017)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	74.874	748.740.000	1,48%
II	Cổ đông trong nước	4.532.056	45.320.560.000	89,39%
1	Cá nhân	3.771.047	37.710.470.000	74,38%
2	Tổ chức	761.009	7.610.090.000	15,01%
III	Cổ đông nước ngoài	463.070	4.630.700.000	9,13%
1	Cá nhân	2.980	29.800.000	0,06%
2	Tổ chức	460.090	4.600.900.000	9,07%
Tổng cộng		5.070.000	50.700.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 30/08/2017)

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt	760.500	15,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Môi trường bao gồm tất cả các yếu tố có tác động, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sức khỏe, đời sống của con người. Trong bối cảnh tài nguyên đang dần cạn kiệt, đa dạng sinh học bị suy giảm, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng thì: “Kinh tế xanh” hiện đang là mô hình phát triển mới được nhiều doanh nghiệp và quốc gia lớn hướng tới để phát triển.

Hoạt động trong ngành sản xuất đường là ngành có tác động trực tiếp tới môi trường xung quanh do các nhà máy sản xuất đường khi hoạt động sẽ tạo ra khí thải và nước thải. Bên cạnh đó, việc sử dụng một số hóa chất trong quá trình vận hành cũng sẽ gây ra một số tác động tới môi trường xung quanh. Ý thức được tầm quan trọng trong việc bảo vệ môi trường cũng như những tác động mà hoạt động kinh doanh của Công ty đã và đang tác động tới môi trường sống, Công ty cổ phần Đường Kon Tum luôn chú trọng công tác kiểm tra và giám sát chặt chẽ các quy trình trong hoạt động sản xuất của mình.

Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu trong hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là cây mía, niên vụ 2016/2017 sản lượng mía nguyên liệu thu mua là 212,16 tấn. Ngay từ đầu vụ, Công ty đã chủ động tính toán và lên kế hoạch thu mua mía nguyên liệu theo đúng độ chín của cây mía đồng thời phân bổ thời gian nhập mía hợp lý để kịp thời phân bổ cho các nhà máy vừa đảm bảo chất lượng cây mía vừa đảm bảo các nhà máy hoạt động liên tục và ổn định.



Tiêu thụ năng lượng

Hưởng ứng phong trào “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, những năm gần đây, Công ty đã nỗ lực đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, đặc biệt là điện năng. Với công suất hoạt động lớn của các nhà máy và văn phòng làm việc của Công ty, việc sử dụng tiết kiệm điện sẽ giảm thiểu không nhỏ chi phí hoạt động. Do vậy Công ty luôn chú trọng việc sử dụng tiết kiệm điện bằng cách ngắt toàn bộ hệ thống điện khi hết giờ làm việc, sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện, thường xuyên vệ sinh các thiết bị điện trong Công ty đồng thời nghiên cứu và thay thế các thiết bị điện đã cũ bằng các thiết bị mới vừa đảm bảo an toàn vừa giúp tiết kiệm năng lượng.

Tiêu thụ nước

Các nhà máy của công ty hoạt động chủ yếu theo 2 quy trình chính là sản xuất đường thô và sản xuất đường tinh luyện. Với mỗi quy trình, Công ty cần phải sử dụng một lượng lớn nước do vậy lượng nước xả thải cũng tương đối lớn. Để giảm thiểu ảnh hưởng của nguồn nước thải tới môi trường xung quanh, Công ty đã đưa nguồn nước thải qua bể lắng và xử lý trước khi đưa ra ngoài môi trường. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động trong việc bảo vệ môi trường đặc biệt là nguồn nước xung quanh môi trường sống.



Trách nhiệm với người lao động và người dân địa phương.

Những năm qua, công tác chăm lo đời sống người lao động luôn được công ty quan tâm và là ưu tiên đặt lên hàng đầu. Các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội luôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, công tác đào tạo, tuyên truyền cho người lao động về vấn đề an toàn, vệ sinh lao động luôn được Công ty tổ chức định kỳ nhằm đảm bảo sức khỏe cũng như giảm thiểu rủi ro tai nạn nghề nghiệp có thể xảy ra.



Bên cạnh đó, hoạt động xã hội từ thiện luôn được Ban điều hành công ty thường xuyên hưởng ứng tích cực với các hoạt động cụ thể như: vận động toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, thăm hỏi tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong vùng, v.v... thông qua những hoạt động này, Công ty mong muốn góp một phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển bền vững.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển tương lai

Các nhóm giải pháp chủ yếu

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công tác thu mua nguyên liệu

TT	Mía Nguyên liệu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016-2017	Thực hiện 2016-2017	Tỷ lệ % TH/ KH
1	Tổng sản lượng mía thô	Tấn	187.061,85	212.166,44	113,42
1.1	Mía thô trong vùng	Tấn	83.000,00	70.020,73	84,36
1.2	Mía thô ngoài vùng	Tấn	104.061,85	142.145,71	136,60
1.3	Sản lượng mía sạch	Tấn	181.450,00	205.281,71	113,13

Sản lượng mía thu mua niên vụ 2016/2017 đạt 113,42% so với kế hoạch là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, sự linh hoạt của Ban điều hành nên đã quyết định kịp thời giá cả, phương pháp thu mua mía hợp lý như: mua theo chữ đường (CCS), theo khung giá thị trường, v.v...vì vậy đã mang lại lợi nhuận lớn cho một số bà con nông dân có sản lượng và chữ đường cao, làm cho bà con phấn khởi và tiếp tục gắn bó với cây mía. Thực hiện thu mua một cách công khai, minh bạch; đánh giá tạp chất một cách khách quan, đúng theo thực tế; thanh toán tiền mua mía đầy đủ và kịp thời cho người dân (kể cả ngày thứ 7, Chủ nhật) nên người dân đã phấn khởi bán mía cho Công ty.

Công tác vận chuyển mía nguyên liệu

Công tác vận chuyển mía nguyên liệu niên vụ 2016/2017 của Công ty có nhiều đổi mới, tiến bộ, tạo được niềm tin với nông dân bán mía cho Công ty. Ngay từ đầu vụ Công ty đã cho cán bộ địa bàn khảo sát đánh giá độ chín của cây mía từng vùng để lập kế hoạch và thông báo cho bà con nông dân về thời gian, sản lượng đồn chặt; bố trí đủ xe vận chuyển kịp thời cho bà con không để mía phơi ngoài ruộng lâu ngày. Đồng thời phân bổ thời gian nhập mía trong vùng, ngoài vùng hợp lý không để Nhà máy phải chờ mía. Nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Nguyên liệu và Đơn vị vận chuyển nên công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu niên vụ 2016/2017 của Công ty được bà con nông dân đồng tình ủng hộ và ghi nhận. Đây cũng là một yếu tố thuận lợi để thúc đẩy bà con nông dân phát triển cây mía.



Công tác đầu tư Vùng nguyên liệu:

☉ Tổng chi phí đầu tư chăm sóc và trồng mới, trồng lại vụ 2016/2017: 14.542.683.055 đồng.

Trong đó:

- Đầu tư thu hồi (tính lãi): 9.654.120.138 đồng, bao gồm Tiền mía Giống, Tiền vật tư, phân bón, thuốc BVTV. Tiền đầu tư trồng mới có hệ thống tưới nước, Tiền cho khách hàng ứng tiền thuê đất trồng mía, v.v...
- Hỗ trợ không thu hồi theo Nghị quyết của HĐQT: 4.888.562.917 đồng (trong đó có 228.554.000 đồng hỗ trợ tiền cày vụ 2015-2016 quyết toán trong vụ này), bao gồm tiền cày đất, tiền vận chuyển mía giống mua ngoài tỉnh, hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, phân bã bùn để cải tạo đất...

☉ Diện tích mía trồng vụ 2016/2017

- Diện tích mía trong vùng thu hoạch vụ 2016/2017 : 1.101,13 ha
- Diện tích mía trồng vụ 2016/2017 sẽ thu hoạch vào vụ 2017/2018: 514,43 ha. (trồng mới: 285,59 ha; trồng lại: 228,84 ha)

Công tác thu hồi nợ đầu tư:

☉ Nợ trong vùng:

- Kế hoạch thu hồi nợ vụ 2016/2017 là 6.529.609.215 đồng. Đã thu đến ngày 30/06/2017 là :6.684.514.631 đồng. Đạt kế hoạch : 98,4%.

Trong đó :

⬇ Thu nợ theo kế hoạch:	6.427.601.784 đồng
⬇ Thu vượt kế hoạch :	175.273.646 đồng
⬇ Thu lãi:	81.639.201 đồng

- Còn phải thu theo kế hoạch: 102.007.431 đồng

** Nguyên nhân thu nợ không đạt theo kế hoạch là do có một số hộ mía bị chết, không có khả năng thu nợ; Công ty đã tiến hành lập biên bản để làm cơ sở xử lý sau này; Một số hộ không đủ mía để trả nợ đã có cam kết trả hết nợ vào năm 2018.*

☉ Nợ ngoài vùng:

- Kế hoạch phải thu vụ 2016-2017: 880.468.224 đồng.
- Đã thu đến ngày 30/06/2017: 0 đồng.
- Tiền còn nợ đến ngày 30/06/2017: 880.468.224 đồng

Số nợ này chủ yếu là tại Chư PRông có 88% mía chết, do nắng hạn kéo dài, không có nước, mía chết không lưu gốc được, vì vậy hộ nông dân không có khả năng trả nợ.

Công tác chế biến đường

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016-2017	Thực hiện 2016 -2017	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía đưa vào ép	Tấn	187.061,85	212.166,44	113,42
2	Trọng lượng mía sạch	Tấn	181.450,45	205.281,71	113,13
3	Pol mía	%	12,82	11,68	91,11
4	Chữ đường BQ	CCS	9,00	8,69	86,90
5	Đường thành phẩm	Tấn	20.161,112	21.376,65	106,03
6	Mật rỉ	Tấn	8.514,30	10.690,00	125,55
7	Bã bùn	Tấn	7.557,39	8.208,40	108,61
8	Công suất ép bình quân/ngày	Tấn	1.788	1.625,19	90,89
9	Hiệu suất ép	%	96,19	96,68	100,51
10	Hiệu suất chế luyện	%	89,85	89,48	99,59
11	Hiệu suất tổng thu hồi	%	86,43	86,51	100,09
12	Hiệu suất ATTB	%	99,50	99,05	99,55
13	Tỷ lệ mía sạch/đường (Quy về 10 CCS)	M/Đ	9,00	8.32	92,4

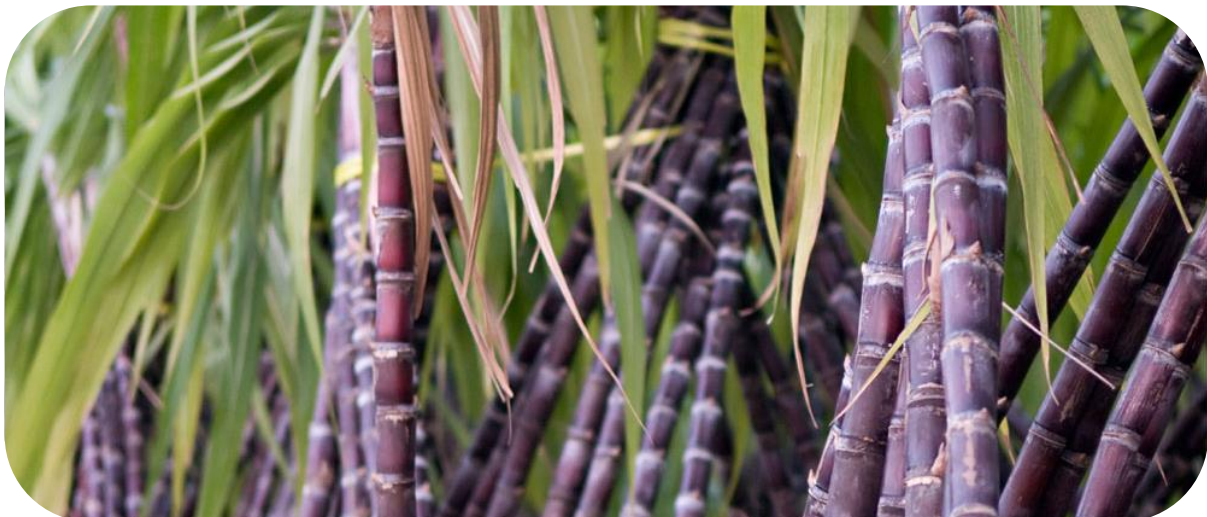
Niên vụ qua, Công ty đã thực hiện khoán định mức tiêu hao vật tư, hóa chất cho Nhà máy, hoạt động này đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong quản lý, sử dụng và giám sát giữa các ca sản xuất. Tiêu hao vật tư (nguyên nhiên liệu, CCDC) theo định mức/tấn thành phẩm giảm nhiều so với các vụ trước. Tuy nhiên cũng có một số chỉ tiêu bị vượt so với định mức phê duyệt như: Lưu huỳnh, Natri Phosphat, Natri Hydroxit, Củi, Dầu Hydro 68.

Nguyên nhân là do thời tiết mưa kéo dài nên phải dừng chờ mía, Nhà máy Đường phải thực hiện lên xuống máy nhiều lần, đồng thời vào cuối vụ có những khâu trong quá trình sản xuất phải xử lý công nghệ nên có một số chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu tăng.

Kết quả SXKD so với kế hoạch niên vụ 2016 – 2017:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2016-2017	Thực hiện 2016-2017	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	187.061,85	212.166,44	113,42
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	181.450,45	205.281,71	113,13
3	Sản lượng đường SX	Tấn	20.161,112	21.376,65	106,03
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ		9.58	
5	Tỷ lệ mía/đường quy về 10 CCS	Tấn/tấn	9.0	8.32	92,4
6	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	20.161,11	16.005	79,4
7	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	272.617	294.571	108
8	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	15.937	43.711	274,3
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	15.937	42.380	265,9
10	Tỷ lệ chia cổ tức	% VDL	15-20	15	-

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đầu năm đã đề ra, đặc biệt nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị niên vụ 2016/2017, Công ty đã đạt 294 tỷ đồng doanh thu và 43 tỷ đồng lợi nhuận (đạt 265,5% so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm). Kết quả kinh doanh rất khả quan trong niên vụ này còn có sự đồng lòng, quyết tâm đạt và vượt kế hoạch của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, là sự cố gắng không quản khó khăn của người lao động trong từng bộ phận, nhà máy.

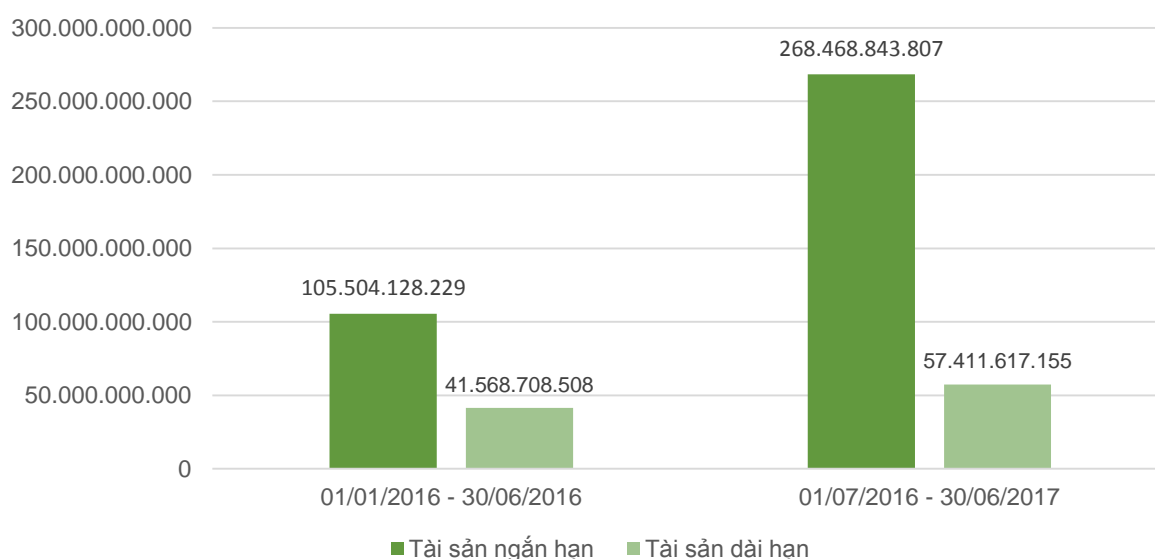


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017	% thay đổi
Tài sản ngắn hạn	105.504.128.229	268.468.843.807	154,46%
Tài sản dài hạn	41.568.708.508	57.411.617.155	38,11%
Tổng tài sản	147.072.836.737	325.880.460.962	121,58%



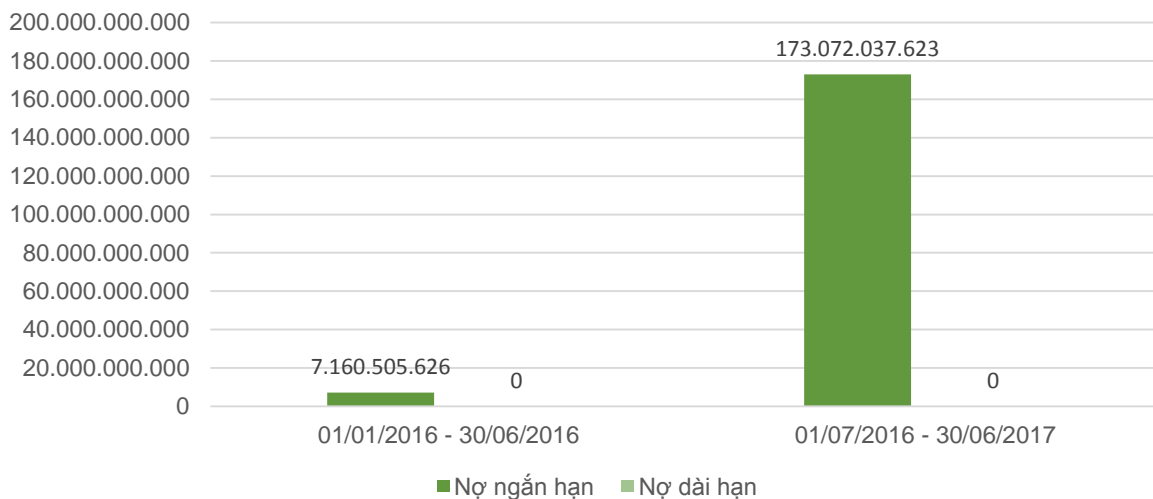
Tại thời điểm cuối niên vụ 2016/2017 tổng tài sản của Công ty đạt 325,8 tỷ đồng, tăng 121,58% so với đầu niên vụ. Tài sản của Công ty tăng chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng, chủ yếu tại khoản mục phải thu khách hàng và hàng tồn kho. Cụ thể, so với đầu niên vụ, các khoản phải thu ngắn hạn là 146,9 tỷ đồng, tăng 233,96%, nguyên nhân là do tại thời điểm cuối niên vụ, Công ty còn một số khoản công nợ với các đối tác trong và ngoài nước, tuy nhiên đây là những đối tác có uy tín lớn và lâu năm trong ngành, luôn đảm bảo thanh toán đúng tiến độ thực hiện hợp đồng. Bên cạnh đó, khoản mục hàng tồn kho cũng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, so với đầu niên vụ, hàng tồn kho đạt 102,5 tỷ đồng, tăng 194%, bao gồm đường thành phẩm, đường Tuy Hòa, v.v... và một số công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khác.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017	% thay đổi
Nợ ngắn hạn	7.160.505.626	173.072.037.623	2317,04%
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng nợ phải trả	7.160.505.626	173.072.037.623	2317,04%



Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối niên vụ 2016/2017 là 173 tỷ đồng, tăng 2.317,04% so với đầu niên vụ, chủ yếu là do khoản mục vay và nợ thuê tài chính tăng mạnh trong niên vụ này. Do nhu cầu bổ sung vốn lưu động, đồng thời nhằm giảm thiểu chi phí sử dụng vốn nên niên độ vừa qua, Công ty đã huy động nợ vay nhằm tăng tỷ lệ sử dụng nợ trong cơ cấu nguồn vốn của công ty. Tổng hạn mức mà các ngân hàng cấp cho Công ty là 180 tỷ đồng với tài sản đảm bảo một phần là tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng và còn lại là tín chấp, điều này cho thấy uy tín lớn của Công ty đối với các tổ chức tín dụng trong vùng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác tu bổ, bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị của Nhà máy niên vụ 2016/2017 có nhiều chuyển biến tích cực so với các năm trước. Máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng Đường thành phẩm từng bước được nâng lên đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Quá trình tu bổ bảo dưỡng thiết bị đã tiết kiệm đáng kể về chi phí vật tư lẫn nhân công nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng của thành phẩm.

Công tác tổ chức lao động

Niên vụ 2016/2017, Công ty đã kiện toàn về cơ cấu tổ chức quản lý điều hành nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu mới. Bên cạnh đó, Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách khác của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động.

- Tiền lương bình quân năm 2016/2017 là: 5.600.000 đồng/người/tháng, so với năm tài chính (01/01/2016-30/06/2016) : 5.370.000 đồng.

Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường: trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở quyết định kế hoạch tiêu thụ từ đầu vụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tài chính

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017-2018
1. Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	288.660
2. Sản lượng mía sạch	Tấn	280.000
3. Tiêu hao mía/đường quy về 10 CCS	M/Đ	8,0
4. Sản lượng đường sản xuất	Tấn	35.000
5. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	35.000
6. Tổng doanh thu	Tr. đồng	453.240
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	24.138
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	24.138
9. Tỷ lệ chia cổ tức	%	15-20

Một số giải pháp thực hiện

Về công tác Nguyên liệu

Công ty xác định Nguyên liệu là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại hay không tồn tại của Công ty; để Công ty đứng vững, ổn định lâu dài, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước; Với mục tiêu phát triển mở rộng diện tích mía trong vùng từ nay đến năm 2018 đạt 3.000 ha và hướng đến năm 2020 đạt 5.000 ha, vì vậy đối với vùng Nguyên liệu, Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản sau:

- Tiếp tục ban hành các chính sách đầu tư phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gắn bó lâu dài, ổn định phát triển vùng nguyên liệu.
- Cơ cấu lại chất lượng giống cho phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu trong địa bàn tỉnh KonTum.
- Đưa khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất đạt ≥ 100 tấn/ha và Chứa đường ≥ 10 CCS.
- Tổ chức thu mua, đốn chặt và đánh giá chứa đường một cách công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho người nông dân trồng mía.
- Để đảm bảo Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, cần xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn để áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác để mang lại hiệu quả, tăng năng suất, chất lượng mía nguyên liệu và tiết kiệm được quỹ đất.

Khối sản xuất chế biến Đường

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN đưa vào vận hành vụ sản xuất 2017-2018, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, các chỉ tiêu pol bùn, pol bã, AP mật rỉ, tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền; hạn chế triệt để đường thành phẩm hồi dung nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.



Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường: trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở có kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Tổ chức Hội nghị khách hàng để tăng cường sự quan hệ mật thiết với khách hàng; lắng nghe những kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, phục vụ tốt hơn cho khách hàng; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự bộ máy quản lý, rà soát, định biên, tiết giảm, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động trong vụ sản xuất.

Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Giám sát, quản lý chặt chẽ các hoạt động liên quan đến sử dụng năng lượng điện, nước, đặc biệt là việc xử lý nước thải, khí thải trong các hoạt động của các nhà máy Đường. Giáo dục, nâng cao ý thức của toàn bộ công nhân viên trong Công ty trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, và phát triển bền vững.





ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Kế hoạch và định hướng phát triển của Công ty

Tình hình chung về Hội đồng quản trị

Trong năm 2016/2017 số lượng thành viên HĐQT ổn định từ đầu năm đến cuối năm. Hiện tại HĐQT Công ty vẫn cơ cấu đủ 05 thành viên theo quy định; trong đó Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty, trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2016 và tình hình thực tế của Công ty, sau Đại hội đồng cổ đông thường niên (tháng 10/2016) Hội đồng Quản trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tập trung củng cố, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty; triển khai quyết liệt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2016 đã đề ra.

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp để hoạch định chiến lược và đưa ra các Nghị quyết, quyết định để lãnh đạo chỉ đạo hoạt động của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả, đó là:

- ✓ Tăng cường tiếp xúc, làm việc với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kon Tum và các ban ngành, địa phương về chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, vì vậy Công ty đã nhận được sự ủng hộ tích cực của cả hệ thống chính trị và chính quyền các cấp về qui hoạch phát triển vùng nguyên liệu cho công ty cổ phần Đường Kon Tum.
- ✓ Tập trung chỉ đạo kiện toàn lại căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty đảm bảo tinh gọn và hiệu quả; Định biên lao động vụ 2016/2017 là 230 người, giảm 20 người so với vụ 2015/2016.
- ✓ Tiếp tục bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của Công ty và mang lại hiệu quả cao trong quá trình quản trị điều hành.
- ✓ Ban hành các chính sách đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu phù hợp đảm bảo cho công tác phát triển diện tích Nguyên liệu và thu hồi nợ đầu tư hiệu quả nhất; Tiếp tục làm việc với các địa phương có tiềm năng về đất trồng mía để xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp, đầu tư mở rộng vùng Nguyên liệu ứng dụng công nghệ cao đáp ứng công suất của Nhà máy.
- ✓ Chỉ đạo công tác Sửa chữa lớn năm 2016 đảm bảo chất lượng, tiến độ và tiết kiệm chi phí, tìm mọi giải pháp để giữ vững ổn định công suất đảm bảo kế hoạch HĐQT phê duyệt.
- ✓ Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình nhằm đáp ứng với tình hình sản xuất và kinh doanh hiện nay.
- ✓ Trong năm 2017 HĐQT đã trình ĐHCĐ bất thường thông qua Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN với trị giá 158 tỷ đồng nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả hoạt động SXKD năm 2016/2017 vượt kế hoạch so với nghị quyết đề ra, phần nào đã đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông, đồng thời chăm lo được đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra từ đầu niên vụ 2016/2017:

Tổng sản lượng đường sản xuất: 21.376,65 tấn, đạt 106,03% kế hoạch.

Tổng doanh thu: 294.571.430.078 đồng, đạt 108,05% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 42.379.935.326 đồng, đạt 265,92% so với kế hoạch.

Công tác đầu tư phát triển

Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp, tuy nhiên diện tích trồng mía tăng lên chưa nhiều, nguyên nhân là do thu nhập từ việc trồng mía chưa cao, chi phí đầu tư, thu hoạch lớn nhưng năng suất còn thấp.

Vụ 2016/2017 Công ty đã chi hỗ trợ cho vùng nguyên liệu là 4.660.008.917 đồng.

Để phát triển vùng nguyên liệu ổn định, đáp ứng đủ công suất cho Nhà máy; trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, HĐQT tiếp tục đưa ra các chính sách hỗ trợ thực hiện cho vụ 2017-2018 và những năm tiếp theo, đó là:

- Hỗ trợ không thu hồi tiền cày đất, tiền bã bùn, hỗ trợ chuyển đổi từ cây trồng khác sang trồng mía.
- Hỗ trợ chi phí khoan giếng tưới đối với các hộ có diện tích từ 5 ha trở lên.
- Đưa các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao để trồng đại trà thay thế các loại giống cũ đã thoái hóa, kém chất lượng.
- Đầu tư cho hộ nông dân (hoặc nhóm hộ) có diện tích tập trung từ 05 ha trở lên trồng mía ứng dụng công nghệ tưới nước, với mức 50 triệu đồng/ha.
- Cho các hộ nông dân đang có diện tích mía hiện trạng từ 30 ha trở lên vay vốn để thuê đất trồng mía, với mức 30 triệu đồng/ha.
- Đầu tư mua các máy nông cụ (máy trồng mía, làm cỏ, thu hoạch ...) nhằm giảm chi phí, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao thu nhập cho bà con.

Công tác thu mua Nguyên liệu

Niên vụ 2016/2017 Công ty thu mua 212.166,44 tấn mía (cả trong và ngoài vùng) đạt 113,42% so với kế hoạch. Có được kết quả này là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của HĐQT, đã ban hành kịp thời các chính sách, phương pháp thu mua hợp lý từ đó khuyến khích được người nông dân bán mía cho Công ty.

Niên vụ 2016/2017, Công ty mua mía theo chữ đường (CCS), theo khung giá thị trường đã mang lại lợi nhuận cao cho một số bà con nông dân có sản lượng và chữ đường cao, làm cho bà con phấn khởi và tiếp tục gắn bó với cây mía.

Về công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo thực hiện kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục trong công tác mua, bán, thanh, quyết toán được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.



Công tác sản xuất chế biến và Tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác sản xuất chế biến Đường và tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị của Nhà máy niên vụ 2016/2017 có nhiều chuyển biến tích cực so với các năm trước. Máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng Đường thành phẩm từng bước được nâng lên đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Quá trình Tu bổ bảo dưỡng thiết bị đã tiết kiệm đáng kể về chi phí vật tư lẫn nhân công nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Công ty đã thực hiện việc khoán lương và định mức tiêu hao vật tư hóa chất cho NM đường, vì vậy vụ này đã tiết giảm được vật tư tiêu hao so với vụ trước. Tuy nhiên cũng có một số chỉ tiêu bị vượt so với định mức phê duyệt.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và bổ sung, nâng cấp máy móc thiết bị

Nhằm chỉnh trang lại khuôn viên, văn phòng làm việc để phục vụ cho công tác quản trị điều hành của Công ty đạt hiệu quả cao hơn và đảm bảo vệ sinh môi trường; duy trì dây chuyền sản xuất ổn định, liên tục, hiệu quả, đáp ứng công suất ổn định 1.800 tấn mía/ngày; trong thời gian qua Công ty đã đầu tư các hạng mục công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị, với tổng số tiền đầu tư theo dự toán là: 19.478.051.949 đồng; Đến nay, các công trình đều đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và đã được quyết toán

Quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn tuân thủ đúng các quy trình, quy định về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

Về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và công tác tổ chức Điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc

Trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị một cách quyết liệt và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung chỉ đạo và điều hành của Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

**Mối quan hệ với các cổ đông**

- Hội đồng Quản trị thường xuyên báo cáo, trao đổi, bàn bạc với cổ đông lớn về những chủ trương, chính sách lớn của Công ty để có những quyết sách đúng đắn trong quá trình quản trị điều hành.
- HĐQT thường xuyên có sự trao đổi nắm bắt thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm tại từng thời điểm đối với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược; Thực hiện nghiêm túc việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và Công ty.
- Các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể

- Thường xuyên duy trì và phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng Quản trị với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, các Nghị quyết, Kế hoạch của Công ty để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển.



- Chỉ đạo Ban Điều hành tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí để các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD có hiệu quả.

Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- Quá trình lãnh đạo, điều hành Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, có Ban Kiểm soát tham gia, được tiến hành hàng quý, nhằm thảo luận những vấn đề của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.
- Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Nhìn chung sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho hoạt động ổn định, vượt qua được những khó khăn, thách thức trong thời gian qua, đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2016/2017.

Kế hoạch trong niên vụ 2017 – 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017-2018
1. Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	288.660
2. Sản lượng mía sạch	Tấn	280.000
3. Tiêu hao mía/đường quy về 10 CCS	M/Đ	8,0
4. Sản lượng đường sản xuất	Tấn	35.000
5. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	35.000
6. Tổng doanh thu	Tr. đồng	453.240
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	24.138
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	24.138
9. Tỷ lệ chia cổ tức	% VDL	15-20% vốn điều lệ

Một số giải pháp

Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực hơn, hiệu quả hơn để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum đạt 3.000 ha vào năm 2018 và 5.000 ha vào năm 2020.

Quyết liệt cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất và chữ đường cao, thay thế triệt để các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất.

Đầu tư trồng mía cánh đồng mẫu ứng dụng công nghệ cao, đưa công nghiệp hóa, khoa học kỹ thuật nông nghiệp, giao thông nội đồng và hệ thống thủy lợi tưới tiêu làm cho cây mía tăng năng suất và chất lượng, ban hành chính sách thu mua, giá bảo hiểm, giá thị trường để bà con nông dân có thu nhập ngày càng cao và hơn hẳn với các cây trồng khác để bà con nông dân yên tâm trồng Mía được ổn định lâu dài.

Đầu tư phát triển một số diện tích tại các Huyện lân cận ở Tỉnh Gia Lai để bổ sung Nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động đảm bảo 100% công suất.

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi nợ đầu tư nguyên liệu nhằm bảo toàn vốn cho Công ty và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.

Hoàn thiện Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy lên 2.500 TMN đưa vào hoạt động vụ 2017/2018, cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định của Nhà nước, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.

Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình và quy chế, đảm bảo an toàn trong các mặt hoạt động.

Nâng cao năng lực hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, mở rộng thị trường, xây dựng khách hàng truyền thống để đảm bảo mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

HĐQT, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông: Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	5	100%
2	Ông: Lê Hồng Thái	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	5	100%
3	Ông: Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 03/07/2015	5	100%
4	Ông: Nguyễn Thắng	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 12/04/2016	5	100%
5	Ông: Nguyễn Sỹ Hà	Thành viên HĐQT	Bắt đầu từ 12/04/2016	5	100%

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng Quản trị. Khi cần thiết Hội đồng Quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng Quản trị.



Các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm tài chính 2016/2017

Trong năm tài chính 2016/2017 Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2016 (năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/01/2016 kết thúc 30/06/2016) vào ngày 31/10/2016 và Đại hội ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2016. Ngoài ra, Công ty tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 vào ngày 13/05/2017 và Ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2017.

Chi tiết như sau

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	02/NQ- ĐHĐCĐ/2016	31/10/2016	<p>Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Niên độ 2016, Công ty Cổ phần Đường KonTum:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ niên độ 2016 (năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016) và phương hướng nhiệm vụ năm 2016-2017 2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2016, Báo cáo tài chính niên độ 2016 và phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2016. 3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. 4. Thông qua quyết toán chi phí hoạt động của HĐQT và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT niên độ 2016 (Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016) và Thông qua dự toán tổng mức Thù lao và kinh phí hoạt động năm 2016 - 2017 của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT. 5. Thông qua Tờ trình số:03/TTr-HĐQT/2016 ngày 31/10/2016 của Hội đồng quản trị về đơn giá tiền lương năm 2016 – 2017 . 6. Thông qua Tờ trình số:06/TTr-HĐQT/2016 ngày 31/10/2016 của Hội đồng quản trị về chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu. 7. Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016-2017 của Công ty.
2.	NQ- ĐHĐCĐBT/2017	13/05/2017	<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2017:</p> <p>-Thông qua Tờ trình số 328/TTr-HĐQT ngày 13/05/2017 về việc đầu tư Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN của Công ty cổ phần Đường Kon Tum và Báo cáo Tóm tắt dự án “Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN” của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.</p>

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	64/QĐ- HĐQT/2016	08/07/2016	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh và danh sách các nhà thầu tham gia chào hàng cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa lớn 2016.
2.	78/QĐ- HĐQT/2016	04/08/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh 05 gói thầu vật tư phục vụ TBSC 2016.
3.	79/QĐ- HĐQT/2016	10/08/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh các gói thầu đầu tư bổ sung lắp đặt thiết bị đảm bảo công suất 1.800 TMN.
4.	80/QĐ- HĐQT/2016	22/08/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh các gói thầu cung cấp lắp đặt hoàn thiện bàn cân ô tô và các thiết bị phụ trợ (gói thầu số 1) thuộc phương án bổ sung thiết bị đảm bảo công suất 1.800 TMN.
5.	81/QĐ- HĐQT/2016	24/08/2016	Quyết định về việc phê duyệt xây dựng cổng chính, tường rào, nhà bảo vệ và nhà để xe cho cán bộ công nhân viên.
6.	83/QĐ- HĐQT/2016	24/08/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống cân đóng bao, và băng chuyền đường thành phẩm (gói thầu số 8) thuộc phương án bổ sung thiết bị đảm bảo công suất 1.800 TMN.
7.	84/NQ- HĐQT/2016	24/08/2016	Nghị quyết HĐQT Về việc phê duyệt quy trình kỹ thuật cày đất, đơn giá chào thầu cày đất đầu tư trồng mới, trồng lại vụ 2016-2017.
8.	86/QĐ- HĐQT/2016	07/09/2016	Quyết định phê duyệt xây dựng kho chứa Đường Thành phẩm, kho vật tư và chỉ định Nhà thầu xây dựng kho.
9.	87/QĐ- HĐQT/2016	12/09/2016	Quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống cân đóng bao cùng với các phụ kiện thuộc phương án bổ sung thiết bị đảm bảo công suất 1.800 TMN.

10.	88/QĐ- HĐQT/2016	10/10/2016	Quyết định về việc thành lập tổ bán đấu giá tài sản thanh lý của Công ty.
11.	93/QĐ- HĐQT/2016	19/10/2016	Quyết định phê duyệt chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp lắp đặt hoàn thiện thiết bị gia nhiệt 200m ² và các thiết bị phụ trợ.
12.	95/NQ- HĐQT/2016	20/10/2016	Nghị quyết họp HĐQT quý III năm 2016.
13.	96/QĐ- HĐQT/2016	20/10/2016	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng.
14.	98/QĐ- HĐQT/2016	01/11/2016	Quyết định về việc phê duyệt đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016-2017.
15.	99/QĐ- HĐQT/2016	01/11/2016	Quyết định về việc sửa đổi quy chế tài chính của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.
16.	100/QĐ- HĐQT/2016	01/11/2016	Quyết định về việc sửa đổi quy chế mua hàng của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.
17.	101/QĐ- HĐQT/2016	01/11/2016	Quyết định phê duyệt chính sách hỗ trợ phát triển vùng Nguyên liệu.
18.	104/QĐ- HĐQT/2016	28/11/2016	Quyết định phê duyệt giá bán Đường, giá bán mật rỉ vụ 2016-2017.
19.	105/QĐ- HĐQT/2016	01/12/2016	Quyết định điều động Ông Phạm Ngọc Hòa nhân viên Phòng TCHC đến nhận Công tác làm thư ký HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc.
20.	106/QĐ- HĐQT	20/12/2016	Thành lập ban quản lý đầu tư nâng cấp thiết bị công suất nhà máy từ 1.800 lên 2.500 TMN; 1.800 lên 3.200 TMN.
21.	02/QĐ- HĐQT/2017	05/01/2017	Quyết định phê duyệt giá bán Đường cho công ty TNHH Kim Hà Việt
22.	03/QĐ- HĐQT/2017	05/01/2017	Khen thưởng cho tập thể Cán bộ quản lý Công ty; Khen thưởng HĐQT, BKS.

23.	05/QĐ- HĐQT/2017	09/01/2017	Quyết định phê duyệt giá bán bã bùn, bã mía vụ 2016-2017
24.	07/QĐ- HĐQT/2017	12/01/2017	Quyết định phê duyệt giá bán Đường cho công ty TNHH Kim Hà Việt
25.	09/NQ- HĐQT/2017	12/01/2017	Phê duyệt cho 01 tấn đường túi để công ty tạo quan hệ trong công tác đầu tư trồng mía và Biểu khách.
26.	10/BC- HĐQT/2017	16/01/2017	Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết 06 tháng đầu năm tài chính 2016-2017.
27.	12/QĐ- HĐQT/2017	07/02/2017	Phê duyệt lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục truyền về sở TNMT tỉnh Kon Tum
28.	16/QĐ- HĐQT/2017	23/02/2017	Phê duyệt tăng định mức phân bón đầu tư trồng mía thực hiện từ vụ đầu tư 2017-2018.
29.	19/QĐ- HĐQT/2017	03/03/2017	Phê duyệt giá bán đường RS sản xuất niên vụ 2016-2017
30.	21/QĐ- HĐQT/2017	20/03/2017	Phê duyệt giá bán đường RS sản xuất niên vụ 2016-2017, số lượng 3.000 tấn.
31.	22/QĐ- HĐQT/2017	21/03/2017	Phê duyệt giá bán đường RS sản xuất niên vụ 2016-2017, số lượng 3.000 tấn.
32.	24/NQ- HĐQT/2017	24/03/2017	Phê duyệt mua phân NPK và chỉ định nhà thầu cung cấp phân bón phục vụ đầu tư VNL mía vụ 2017-2018 và các vụ tiếp theo.
33.	27/QĐ- HĐQT/2017	07/04/2017	Phê duyệt thiết kế nhà 3 tầng, Phê duyệt dự toán, chỉ định nhà thầu Xây dựng TTTM và trưng bày sản phẩm đường và sau đường lô đất 06 Ngô Quyền.
34.	28/QĐ- HĐQT/2017	08/04/2017	Triệu tập ĐHCĐ bất thường năm 2017
35.	31/QĐ- HĐQT/2017	08/05/2017	Phê duyệt bán 2.000 tấn đường cho Công ty XNK Ngũ Cốc
36.	33/QĐ-	13/05/2017	Phê duyệt điều chỉnh "Dự án đầu tư bổ sung thiết bị ổn định

	HĐQT/2017		công suất 2.000 TMN” thành “Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN của công ty cổ phần Đường Kon Tum.
37.	34/QĐ- HĐQT/2017	13/05/2017	Kiện toàn lại BQLDA đầu tư NCS nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN của công ty cổ phần Đường Kon Tum.
38.	35/QĐ- HĐQT/2017	13/05/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư NCS nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN của công ty cổ phần Đường Kon Tum.
39.	36/QĐ- HĐQT/2017	25/05/2017	Điều động Ông Nguyễn Sỹ Hà, Bí thư đảng ủy, kiêm chủ tịch Công đoàn kiêm nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng NL&QLĐTNL.
40.	37/QĐ- HĐQT/2017	01/06/2017	Thành lập Phòng KH-KD-ĐT
41.	38/QĐ- HĐQT/2017	01/06/2017	Điều động và bổ nhiệm chức danh Trưởng Phòng KH-KD-ĐT đối với Bà Võ Thị Ái Thùy.
42.	39/QĐ- HĐQT/2017	01/06/2017	Phê duyệt lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị Gia nhiệt trực tiếp nước mía, Siro và mật.
43.	40/QĐ- HĐQT/2017	01/06/2017	Thành lập Phòng Kế toán
44.	41/QĐ- HĐQT/2017	07/06/2017	Phê duyệt nhà thầu cung cấp thiết bị Máy ly tâm, Cooling Towers, Trục ép thuộc DA đầu tư NCS nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN.
45.	42/QĐ- HĐQT/2017	07/06/2017	Phê duyệt nhà thầu cung cấp thiết bị Bơm ly tâm thuộc DA đầu tư NCS nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN
46.	43/QĐ- HĐQT/2017	13/06/2017	Bổ sung Thành viên vào BQLDA thuộc DA đầu tư NCS nhà máy đường từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN.
47.	45/QĐ- HĐQT/2017	30/06/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc DA đầu tư nâng công suất NMD từ 1.800 TMN lên 2.500 TMN của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà: Trần Thị Nhi	Trưởng Ban	Bắt đầu từ ngày 03/07/2015	4	100%
2	Bà: Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bắt đầu từ ngày 03/07/2015	4	100%
3	Ông: Nguyễn Đức Cần	Thành viên	Bắt đầu từ ngày 12/04/2016	4	100%

Năm 2016/2017 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (BTGD) và hoạt động SXKD của Công ty;

- ☉ Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- ☉ Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BTGD các giải pháp khắc phục.
- ☉ Kiểm tra, soát xét việc sửa đổi các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty, việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- ☉ Kiểm tra, rà soát các đối tượng nợ khó đòi vùng nguyên liệu, đề xuất HĐQT, BĐH các giải pháp thu hồi và tham gia vào việc thu hồi, trực tiếp tham gia khởi kiện 03 vụ án đòi nợ vùng nguyên liệu.
- ☉ Kiểm tra, soát xét việc thực hiện Dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN.
- ☉ Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.
- ☉ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng. Báo cáo đánh giá lên HĐQT, BTGD, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.
- ☉ Trong năm BKS đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, tổ chức 02 cuộc kiểm tra trực tiếp hoạt động của Công ty. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.
- ☉ Năm 2016/2017, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã có đóng góp tích cực vào hoạt động của Công ty. Tuy nhiên các thành viên BKS có chuyên môn nghiệp vụ chủ yếu về lĩnh vực tài chính – kế toán và Quản trị KD vì vậy việc tham gia đóng góp về lĩnh vực kỹ thuật chế biến đường còn hạn chế.



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, luôn bám sát tình hình thực tế để đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGD trong công tác điều hành, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao.

HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định của pháp luật, tổ chức nhiều cuộc họp đột xuất và thông qua nhiều quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương, giải pháp và chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty: Tiếp tục kiện toàn lại cơ cấu tổ chức bộ máy, định biên lao động theo hướng tinh giảm để nâng cao hiệu quả công tác, ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ vùng nguyên liệu để tăng diện tích trồng mới, Đầu tư Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong công tác điều hành hoạt động SXKD, đề xuất HĐQT nhiều giải pháp mang tính đột phá: Ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ phù hợp để chuyển đổi cây trồng, mở rộng diện tích vùng nguyên liệu, thay đổi các loại giống mới để nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu, thực hiện chính sách thu mua mía theo chữ đường...

Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hoàn thành tốt nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 -2017.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Năm 2016/2017 BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự hợp tác tích cực của HĐQT và BDH. Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương lớn của HĐQT, BDH đã được cung cấp kịp thời cho BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia. BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT và BDH ghi nhận và tiếp thu.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lương công việc	Thù lao
1	Hội đồng quản trị	-	612.000.000
1,1	Đặng Việt Anh	-	180.000.000
1,2	Lê Hồng Thái	-	144.000.000
1,3	Trần Ngọc Hiếu	-	96.000.000
1,4	Nguyễn Thắng	-	96.000.000
1,5	Nguyễn Sỹ Hà	114.054.358	96.000.000
2	Ban kiểm soát	-	192.000.000
2,1	Trần Thị Nhi	-	96.000.000
2,2	Nguyễn Thị Thủy	-	48.000.000
2,3	Nguyễn Đức Càn	107.505.163	48.000.000
3	Ban điều hành	421.764.321	240.000.000
3,1	Lê Hồng Thái	149.096.573	144.000.000
3,2	Nguyễn Thắng	139.255.154	96.000.000
3,3	Hồ Minh Tường	133.412.594	-

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng	126	mua	6.000	6.126	05/12/2016-15/12/2016
2	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng	6.126	mua	1.000	7.126	05/01/2017-03/02/2017





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82 Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	10 - 37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: KTS

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|-------------------|
| 1 Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Hồng Thái | Phó chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông Trần Ngọc Hiếu | Ủy viên |
| 4 Ông Nguyễn Thắng | Ủy viên |
| 5 Ông Nguyễn Sỹ Hà | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Hồng Thái | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Nguyễn Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Hồ Minh Tường | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|----------------------|------------|
| 1 Bà Trần Thị Nhi | Trưởng ban |
| 2 Bà Nguyễn Thị Thùy | Thành viên |
| 3 Ông Nguyễn Đức Cần | Thành viên |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho
Công ty Cổ phần Đường Kon Tum



Lê Hồng Thái
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Thái

Tổng Giám đốc
Lê Hồng Thái

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 268/2017/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017
của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum được lập ngày 25/08/2017, trình bày từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 đã kiểm toán, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Đường Kon Tum giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Dò
Giấy CNDKHNKT số: 0231-2013-016-1

Kiểm toán viên


Nguyễn Thị Phần
Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.468.843.807	105.504.128.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.349.439.905	56.230.344.912
1. Tiền	111		11.149.439.905	730.344.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.200.000.000	55.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.939.297.794	43.999.122.754
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	114.645.773.250	35.599.675.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	32.010.546.071	8.100.026.774
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	3.140.000.000	3.140.000.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.357.133.741	1.076.529.731
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(4.214.155.268)	(3.917.108.751)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	102.570.566.332	5.197.361.879
1. Hàng tồn kho	141		102.570.566.332	5.197.361.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.609.539.776	77.298.684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	74.631.514	77.298.684
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.534.908.262	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		57.411.617.155	41.568.708.508
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.822.918.470	40.586.748.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	51.478.554.501	39.278.324.103
- Nguyên giá	222		179.444.618.455	167.324.660.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(127.966.063.954)	(128.046.335.923)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.344.363.969	1.308.424.683
- Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.912.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(614.430.317)	(604.369.603)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.378.590.811	559.892.462
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.378.590.811	559.892.462
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.210.107.874	422.067.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	3.210.107.874	422.067.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		325.880.460.962	147.072.836.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		173.072.037.623	7.160.505.626
I. Nợ ngắn hạn	310		173.072.037.623	7.160.505.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.958.187.554	78.391.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		566.950	566.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	720.044.471	686.573.702
4. Phải trả người lao động	314		7.093.776.254	4.385.466.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	46.277.903	500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	568.452.800	15.420.551
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	152.591.401.320	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.093.330.371	1.993.086.344
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.808.423.339	139.912.331.111
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	152.808.335.157	139.912.242.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	5.136.360.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.687.946.464	62.791.854.236
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		33.308.011.138	29.737.444.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.379.935.326	33.054.409.865
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		325.880.460.962	147.072.836.737

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	294.571.430.078	291.079.061.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	298.890.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	294.571.430.078	290.780.171.947
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	243.306.142.303	241.604.322.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.265.287.775	49.175.849.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.837.830.332	4.545.318.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.627.972.384	564.451.666
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.627.972.384	564.451.666
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.071.161.669	1.521.819.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8.047.019.762	8.411.373.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.356.964.292	43.223.523.625
11. Thu nhập khác	31	VI.9	377.409.430	763.163.688
12. Chi phí khác	32	VI.10	2.023.686.632	2.279.425.889
13. Lợi nhuận khác	40		(1.646.277.202)	(1.516.262.201)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.710.687.090	41.707.261.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.330.751.764	354.181.670
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		42.379.935.326	41.353.079.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	7.842	7.130

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017



Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		223.934.116.880	354.608.514.418
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(320.421.019.968)	(208.394.910.308)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.599.553.289)	(18.090.226.989)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.581.694.981)	(589.555.939)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.139.297.406)	(183.208.764)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.686.547.558	1.789.769.717
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.183.882.525)	(19.412.518.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(138.304.783.731)	109.727.863.874
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.270.317.396)	(199.864.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.636.364	525.354.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.320.158.436	3.881.247.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.886.522.596)	4.206.737.754
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	271.385.898.730	74.289.627.656
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(118.795.497.410)	(104.253.364.877)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.280.000.000)	(27.885.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.310.401.320	(57.848.737.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(38.880.905.007)	56.085.864.407
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.230.344.912	144.480.505
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		17.349.439.905	56.230.344.912

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 50.700.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:	Số cổ phần	Thành tiền	Phần trăm
Ông Nguyễn Tất Đạt	358.800	3.588.000.000	7,08%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	7.605.000.000	15,00%
Các cổ đông khác	3.950.700	39.507.000.000	77,92%
Tổng Cộng	5.070.000	50.700.000.000	100%

2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường.**3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm :**

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2016, căn cứ theo thông báo số 40/HĐQT ngày 14/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.

Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b **Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.**
 - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
 - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c **Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:**
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
 - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
 - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
 - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
 - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
 - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả + khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phần mềm quản lý	8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi chí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Tiền mặt	41.574.851	20.782.597
Tiền gửi Ngân hàng	11.107.865.054	709.562.315
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	<i>11.107.865.054</i>	<i>709.562.315</i>
NH Ngoại thương Kon Tum	868.346.728	484.940.932
NH Sacombank - CN Kon Tum	322.766.721	65.174.677
NH Công Thương Kon Tum	286.560.980	3.003.746
NH á Châu Kon Tum	29.760.480	125.907.398
NH Nông Nghiệp & PTNT Kon Tum	13.032.309	1.404.272
NH TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	9.587.397.836	29.131.290
- Các khoản tương đương tiền	6.200.000.000	55.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.200.000.000	55.500.000.000
Cộng	17.349.439.905	56.230.344.912

2. Phải thu cho về cho vay	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên không liên quan	3.140.000.000	3.140.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.140.000.000</i>	<i>3.140.000.000</i>
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (1)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ (2)	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang (3)	500.000.000	500.000.000
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang (4)	450.000.000	450.000.000
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	3.140.000.000	3.140.000.000

(1) HĐ số 01/2013/HĐTD ngày 26/04/2013 thời hạn cho vay 3 tháng lãi suất 10%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%

(2) HĐ số 02/2012/HĐTD ngày 30/8/2012, thời hạn vay 12 tháng lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/1/2015 lãi suất là 0%.

(3) HĐ số 03/2010/HĐTD ngày 15/6/2010 vay trả ngày 31/10/2010. Lãi suất 1,0416%/tháng. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

(4) HĐ số 04/2010/HĐTD ngày 24/11/2010 gốc vay 500tr thời hạn 3thang. Lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

Các khoản cho vay đều có đối chiếu hàng năm, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo quy định và đơn vị đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	114.645.773.250	-	35.599.675.000	-
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>36.595.773.250</i>	-	<i>35.599.675.000</i>	-
Công Ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	-	-	6.599.675.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	9.000.000.000	-	29.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	27.595.773.250	-	-	-
<i>b Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>78.050.000.000</i>	-	-	-
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	78.050.000.000	-	-	-
3.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	32.010.546.071	(644.705.555)	8.100.026.774	(347.659.038)
<i>a Trả trước cho người bán không là các bên liên quan</i>	<i>29.510.546.071</i>	<i>(644.705.555)</i>	<i>8.100.026.774</i>	<i>(347.659.038)</i>
Công Ty TNHH XD số 06 Kon Tum	2.429.016.500	-	226.279.000	-
Triveni Turbine limited	5.131.800.000	-	-	-
Global Cane sugar services PVT ltd	1.763.182.000	-	-	-
India Sucro -Tech (Pume) PVT.Ltd	1.384.700.000	-	-	-
M/s shrijee process enineering works limited	2.494.410.000	-	-	-
Kirloskar Brothers (Thái Lan) Limited	1.090.412.359	-	-	-
Các đối tượng khác	15.217.025.212	(644.705.555)	7.873.747.774	(347.659.038)

<i>b</i>	<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	2.500.000.000	-	-	-
	Công Ty CP Mía Đường Tuy Hòa	2.500.000.000	-	-	-
	Cộng	146.656.319.321	(644.705.555)	43.699.701.774	(347.659.038)
4.	Phải thu khác	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu khác ngắn hạn	1.357.133.741	(429.449.713)	1.076.529.731	(429.449.713)
<i>a</i>	<i>Phải thu khác - TK 138</i>	<i>1.326.396.261</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>
	<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>845.937.927</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>
	Cty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
	Công Ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
	Công ty Cổ phần Bắc trung bộ	4.867.778	(4.867.778)	4.867.778	(4.867.778)
	Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	4.800.000	-	220.972.222	-
	Lãi dự thu Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	2.627.778	-	144.375.000	-
	Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	45.000.000	-	157.083.333	-
	Công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên	140.142.011	-	-	-
	Các đối tượng khác	223.918.425	-	124.092.416	-
	<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	<i>480.458.334</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	Công Ty TNHH Kim Hà Việt	405.041.667	-	-	-
	Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa	75.416.667	-	-	-
<i>b</i>	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	<i>30.737.480</i>	<i>-</i>	<i>557.047</i>	<i>-</i>

5	Nợ xấu	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.551.925.368	337.770.100	4.093.086.090	175.977.339
	<i>Trong đó:</i>	<i>Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>Quá hạn từ 3 năm trở lên</i>
	Công ty CP Nhựa Trường Thịnh				2.000.000.000
	Công ty CP Bắc Trung Bộ				194.867.778
	Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang				735.069.436
	Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang				639.512.499
	Trả trước người bán	50.115.134	458.002.219	245.627.990	228.730.312
	Cộng	50.115.134	458.002.219	245.627.990	3.798.180.025
6.	Hàng tồn kho	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	1.314.958.616	-	850.195.755	-
	Công cụ, dụng cụ	4.292.669.711	-	3.651.230.702	-
	CP SXKD dở dang	965.125.945	-	311.926.470	-
	Thành phẩm	67.802.358.828	-	286.415.452	-
	Hàng hóa	28.195.453.232	-	97.593.500	-
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	102.570.566.332	-	5.197.361.879	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	48.302.790.808	115.823.833.130	2.742.535.873	455.500.215	167.324.660.026
- Mua trong năm				46.000.000	46.000.000
- XDCB hoàn thành	12.856.239.792	5.744.924.593			18.601.164.385
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.996.133.350	1.531.072.606			6.527.205.956
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối năm	56.162.897.250	120.037.685.117	2.742.535.873	501.500.215	179.444.618.455
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.790.722.749	85.748.821.469	1.192.728.205	314.063.500	128.046.335.923
- Khấu hao trong năm	2.047.086.499	3.480.211.206	235.893.564	46.885.000	5.810.076.269
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.433.419.812	1.456.928.426			5.890.348.238
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	38.404.389.436	87.772.104.249	1.428.621.769	360.948.500	127.966.063.954
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	7.512.068.059	30.075.011.661	1.549.807.668	141.436.715	39.278.324.103
- Tại ngày cuối năm	17.758.507.814	32.265.580.868	1.313.914.104	140.551.715	51.478.554.501

Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 79.844.741.599 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định				
Số dư đầu năm	1.180.000.000	589.080.000	143.714.286	1.912.794.286
- Mua trong năm		46.000.000		46.000.000
- XDCB hoàn thành				-
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	589.080.000	15.289.603	604.369.603
- Khấu hao trong năm		2.875.000	7.185.714	10.060.714
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	591.955.000	22.475.317	614.430.317
Giá trị còn lại của TSCĐ				
- Tại ngày đầu năm	1.180.000.000	-	128.424.683	1.308.424.683
- Tại ngày cuối năm	1.180.000.000	43.125.000	121.238.969	1.344.363.969

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

9. Chi phí XDCB dở dang:	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
XDCB dở dang	1.378.590.811	36.363.637
Chi phí sửa chữa lớn	-	523.528.825
Cộng	1.378.590.811	559.892.462
10. Chi phí trả trước	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
<i>10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>74.631.514</i>	<i>77.298.684</i>
Chi phí thuê đất chưa phân bổ	-	3.772.245
Chi phí bảo trì phần mềm	42.906.000	42.906.000
Chi phí bảo hiểm xe, cháy nổ	29.151.514	28.763.782
Phí đường bộ, bảo trì website	2.574.000	1.856.657
<i>10.2 Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>3.210.107.874</i>	<i>422.067.260</i>
Chi phí bến bãi, phí đường bộ	4.530.195	3.788.617
Chi phí CCDC chờ phân bổ	260.381.721	267.469.707
Chi phí sửa chữa tài sản	869.762.645	150.808.936
Tiền thuê đất	2.075.433.313	-
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	9.958.187.554	78.391.170
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>230.425.584</i>	<i>-</i>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	230.425.584	
<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	<i>9.727.761.970</i>	<i>78.391.170</i>
Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	892.750.000	-
Công ty cổ phần mía đường Trà Vinh	8.700.000.000	-
Các đối tượng khác	135.011.970	78.391.170
Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT nội địa	675.119.786	8.942.735.471	9.617.855.257	-
Thuế GTGT hàng N	-	76.371.100	76.371.100	-
Thuế TNDN	3.034.734,00	1.702.594.931	1.139.297.406	566.332.259
Thuế Tài nguyên	-	244.061.811	244.061.811	-
Thuế đất, tiền thuê đất		2.284.843.545	2.284.843.545	-
Thuế TNCN	8.419.182,00	1.074.219.426	1.061.211.821	21.426.787
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	132.285.425	-	132.285.425
Các loại thuế khác		73.729.856	73.729.856	-
Cộng	686.573.702	14.533.841.565	14.500.370.796	720.044.471

14. Chi phí phải trả

Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016

	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí tiền lãi vay phải trả	46.277.903	500
Cộng	46.277.903	500

15. Các khoản phải trả khác

Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016

Ngắn hạn	568.452.800	15.420.551
Bảo hiểm xã hội	452.800	-
Công ty TNHH Xây dựng số 6 Kon Tum	274.000.000	-
Võ Thị Mai Liên	20.000.000	-
Nguyễn Thành Đông	274.000.000	-
Phải trả khác	-	15.420.551
Cộng	568.452.800	15.420.551

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.626.045.950	52.972.689.313	129.582.763.956
- Lãi trong năm trước					33.054.409.865	33.054.409.865
- Tăng khác				510.314.050		510.314.050
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					2.955.244.942	2.955.244.942
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác năm trước						-
2. Số dư cuối năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
3. Số dư đầu năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
- Lãi trong năm					42.379.935.326	42.379.935.326
- Tăng khác						-
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					8.805.440.986	8.805.440.986
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác trong năm					398.402.112	398.402.112
4. Số dư cuối năm	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	75.687.946.464	152.808.335.157

Note: Năm trước của đơn vị là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

	VND	VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.700.000.000	50.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.280.000.000	20.280.000.000
Chia cổ tức	20.280.000.000	20.280.000.000

D. Cổ phiếu**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Cổ tức**Năm nay** **Năm trước**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Chưa công bố

40%

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

F. Các quỹ doanh nghiệp**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

Quỹ đầu tư phát triển

18.674.216.181

18.674.216.181

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

Nợ khó đòi đã xử lý

11.755.504.970

11.755.504.970

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	269.424.478.093
Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	-
Doanh thu bán mật	15.972.165.000	15.066.090.480
Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	1.924.223.892
Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	3.078.495.723
Doanh thu khác	602.832.286	1.585.773.759
Cộng	294.571.430.078	291.079.061.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	298.890.000
Hàng bán bị trả lại	-	298.890.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.571.430.078	290.780.171.947
Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	269.424.478.093
Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	-
Doanh thu bán mật	15.972.165.000	15.066.090.480
Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	1.924.223.892
Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	2.779.605.723
Doanh thu khác	602.832.286	1.585.773.759
4. Giá vốn hàng bán	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
Giá vốn bán đường thành phẩm	203.086.859.449	233.393.835.321
Giá vốn bán đường Tuy Hòa	35.714.285.714	-
Giá vốn bán mật	-	4.300.000.000
Giá vốn bán phân bón	4.398.664.124	2.817.587.118
Giá vốn khác	106.333.016	1.092.900.001
Cộng	243.306.142.303	241.604.322.440
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay và lãi trả chậm	5.837.830.332	4.545.318.184
Cộng	5.837.830.332	4.545.318.184
6. Chi phí hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
Chi phí lãi vay	2.627.972.384	564.451.666
Cộng	2.627.972.384	564.451.666

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUMĐịa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969**Thuyết minh báo cáo tài chính**Cho năm tài chính
từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	-	324.081.272
Chi phí vật liệu bao bì	8.359.677	21.198.520
Chi phí dụng cụ đồ dùng	306.274.000	99.641.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	756.527.992	1.073.675.557
Chi phí khác	-	3.222.000
Cộng	1.071.161.669	1.521.819.015
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.438.002.758	3.999.905.697
Chi phí vật liệu quản lý	316.417	158.208
Chi phí đồ dùng VP	216.548.327	370.321.335
Chi phí dự phòng	297.046.517	1.831.580.892
Chi phí KH TSCĐ	868.683.715	401.242.245
Thuế, phí, lệ phí	127.928.243,00	108.990.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.800.501	1.071.361.219
Chi phí khác bằng tiền	375.693.284,00	627.813.437
Cộng	8.047.019.762	8.411.373.385
9. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	525.354.545
Thu khác	377.409.430	237.809.143
Cộng	377.409.430	763.163.688
10. Chi phí khác		
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	420.000.000	301.000.000
Chi phí tiền lương năm 2014	-	1.073.464.039
Chi phí thanh lý tài sản cố định	573.221.354	-
Các khoản khác	1.030.465.278	904.961.850
Cộng	2.023.686.632	2.279.425.889
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.710.687.090	41.707.261.424
Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	8.344.713.668	5.955.897.675
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>8.344.713.668</i>	<i>5.955.897.675</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

	Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty	420.000.000	301.000.000
	Chênh lệch tiền lương đã hạch toán vào chi phí và số thực trả đến thời điểm quyết toán	6.321.027.036	3.676.471.786
	Chi phí tiền lương năm 2014	-	1.073.464.039
	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	1.603.686.632	904.961.850
	Điều chỉnh giảm	-	-
	Thu nhập được miễn thuế	45.401.641.937	45.945.340.675
	Thu nhập tính thuế	6.653.758.821	1.717.818.424
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20% và 22%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.330.751.764	354.181.670
12.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm	286.317.784.575	209.985.559.387
	Chi phí nhân viên	19.677.805.167	19.413.120.290
	Chi phí khấu hao TSCĐ	5.752.475.808	3.765.501.004
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.398.434.362	1.832.746.275
	Chi bằng tiền khác	1.007.013.895	10.035.818.331
	Cộng	321.153.513.807	245.032.745.287
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.379.935.326	41.353.079.754
	Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	5.070.000	5.070.000
	Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.070.000	5.070.000
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành trích theo NQĐHĐCĐTN và theo dự kiến	2.618.996.766	5.205.024.900
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.842	7.130
VII.	Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)		
	Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.		
	Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.		
			Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
			VND
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		271.385.898.730
	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum		109.248.850.898

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum	162.137.047.832
---	-----------------

2. Tiền chi trả nợ gốc vay 118.795.497.410

NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum	32.427.869.391
---	----------------

NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum	86.367.628.019
---	----------------

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	17.349.439.905	17.349.439.905
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	151.153.453.062	146.939.297.794

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công nợ tài chính tại
30/06/2017**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán	9.958.187.554	-	9.958.187.554
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	568.452.800	-	568.452.800
Chi phí phải trả	46.277.903	-	46.277.903
Vay và nợ thuê tài chính	152.591.401.320	-	152.591.401.320

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan**

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Ông Nguyễn Tất Đạt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Ông Đặng Việt Anh CT HĐQT Công ty CP Đường KonTum là TGD Công ty CP Mía đường Tuy Hòa

Ông Lê Hồng Thái TGD Công ty CP Đường Kon Tum là CT HĐQT Công ty CP XNK Ngũ Cốc

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

139.095.238.523

9.313.000.001

28.194.076.190

124.047.619.047

167.289.314.713**133.360.619.048****2.3. Mua hàng hóa dịch vụ**

Công Ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

4.111.418.134

-

35.714.285.714

-

39.825.703.848

-

2.4. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

1.615.187.500

1.128.162.140

995.416.667

-

2.610.604.167**1.128.162.140**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

2.5. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
--	---------------------------------	---------------------------------

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	63.636.364	-
Cộng	63.636.364	-

2.6. Các khoản phải thu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
--	---------------------	---------------------

Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK131	78.050.000.000	-
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK138	405.041.667	-
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa	75.416.667	-
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa - Dư Nợ 331	2.500.000.000	-

2.7. Các khoản phải trả

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
--	---------------------	---------------------

Công Ty TNHH Kim Hà Việt	230.425.584	-
--------------------------	-------------	---

2.8 Thu nhập HĐQT và BKS

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

Thù lao HĐQT + BKS	804.000.000	253.794.480
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt	614.139.418	254.608.446
Cộng	1.418.139.418	508.402.926

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật rỉ, sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men, mía giống...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, phân bón,...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	203.086.859.449	31.385.008.598
Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	35.714.285.714	238.095.238
Doanh thu bán mật	15.972.165.000	-	15.972.165.000
Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	-	2.929.571.961

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	4.398.664.124	243.947.708
Doanh thu khác	602.832.286	106.333.016	496.499.270
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.118.181.431)
Cộng	294.571.430.078	243.306.142.303	42.147.106.344

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Phụ lục 01**9. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	152.591.401.320	152.591.401.320	271.385.898.730	118.795.497.410	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum (1)	76.821.981.507	76.821.981.507	109.248.850.898	32.427.869.391	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum (2)	75.769.419.813	75.769.419.813	162.137.047.832	86.367.628.019		
Tổng cộng	152.591.401.320	152.591.401.320	271.385.898.730	118.795.497.410	1.000.000	1.000.000

(1): Vay Ngân hàng Ngoại thương CN Kon Tum hợp đồng số: 123/16/NHNT ngày 08/08/2016, hạn mức vay: 100.000.000.000, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 6%/năm, tài sản đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và tài sản khác của bên vay theo yêu cầu của bên cho vay nếu thực hiện không đúng, không đầy đủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

(2): Vay Ngân hàng BIDV CN Kon Tum hợp đồng số: 01/2016/666424/HĐTĐ ngày 16/08/2016, hạn mức vay: 80.000.000.000, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bằng tài sản: Tín chấp 100%, tài sản đảm bảo khác: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VNĐ và ngoại tệ của khách hàng tại Ngân hàng BIDV CN Kon Tum và tại các tổ chức tín dụng khác, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



Kon Tum, ngày 22 tháng 9 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Thái